

Hương Hoá, ngày 30 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện và đề xuất phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện Hướng Hóa

Căn cứ Công văn số 104/HĐND-VP ngày 27/10/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Hướng Hóa về việc đề nghị rà soát, điều chỉnh Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 12/8/2020 của HĐND huyện Hướng Hóa;

UBND huyện báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 12/8/2020 của HĐND huyện về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện Hướng Hóa và phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 HUYỆN HƯỚNG HÓA

I. Những kết quả đạt được

Trên cơ sở kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được HĐND huyện phê duyệt tại Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 12/8/2020, trong những năm qua, UBND huyện đã bố trí nguồn vốn thực hiện các công trình đảm bảo kịp thời, có sự lồng ghép giữa các nguồn vốn, bao gồm nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia một cách hợp lý. Thực hiện phân bổ, giao vốn cho các chủ đầu tư theo đúng mục tiêu, cơ cấu danh mục; tập trung bố trí thực hiện các công trình trọng điểm, công trình cấp thiết. Thường xuyên chỉ đạo các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư, quản lý dự án, chỉ đạo triển khai một cách nhanh chóng, kịp thời, đồng đốc thực hiện, đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn.

Nguồn vốn phân bổ hàng năm được bố trí theo thứ tự ưu tiên:

- Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn.
- Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được duyệt.
- Dự án dự kiến hoàn thành trong năm kế hoạch.
- Dự án khởi công mới phải đáp ứng điều kiện: cần thiết và đủ điều kiện được bố trí kế hoạch theo quy định, đảm bảo bố trí đủ vốn để hoàn thành dự án theo tiến độ đầu tư được đã phê duyệt.

Tổng nguồn vốn đã bố trí cho các công trình từ năm 2021 - 2023: 161.400 triệu đồng. Trong đó:

- Bố trí cho các công trình chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 chuyển sang: 21 công trình với số vốn 61.763,436 triệu đồng.

- Bố trí cho các công trình khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025: 31 công trình với số vốn 81.515,392 triệu đồng.

- Bố trí vốn đối ứng các công trình ngân sách tỉnh, nguồn vốn từ các tổ chức phi chính phủ: 12 công trình với số vốn 17.121,053 triệu đồng.

Ngoài ra, đã có 318 công trình được đầu tư từ nguồn vốn các Chương trình MTQG với tổng mức đầu tư 392.361 triệu đồng, trong đó: Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đầu tư 247 công trình với tổng mức đầu tư 329.969 triệu đồng, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đầu tư 70 công trình với tổng mức đầu tư 50.892 triệu đồng, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững đầu tư 01 công trình với tổng mức đầu tư 1.500 triệu đồng.

Bên cạnh đó, có một số công trình đã được đầu tư hoặc nằm trong tổng thể các công trình sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên hàng năm để thực hiện:

- Có 07 công trình đã được đầu tư từ nguồn thực hiện chính sách hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

- Có 04 công trình đã được đầu tư từ nguồn chính trang đô thị hàng năm.

Chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 và Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và Chỉ thị số 07/CT-TT ngày 30/4/2015 về tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng XDCB nguồn vốn đầu tư công; tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn theo dõi khá chặt chẽ, thống kê, đánh giá khối lượng hoàn thành các công trình chuyển tiếp, công trình khởi công mới để có phương án xử lý, hạn chế việc thi công vượt kế hoạch vốn làm phát sinh nợ XDCB.

UBND huyện đã ưu tiên bố trí vốn từ nguồn vốn XDCB tập trung hàng năm để thanh toán khối lượng hoàn thành, khối lượng theo yêu cầu để đẩy nhanh tiến độ các dự án. Trong 3 năm từ năm 2021 đến năm 2023, trên địa bàn huyện không có nợ đọng xây dựng cơ bản.

II. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

1. Tồn tại, hạn chế

Việc xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cơ bản đảm bảo trình tự, thủ tục của Luật Đầu tư công và các văn bản liên quan. Tuy nhiên, việc dự kiến nguồn vốn chưa sát với thực tế, danh mục công trình còn mang tính liệt kê, dàn trải, chưa đáp ứng được yêu cầu về tính cấp thiết trong đầu tư. Do đó, trong quá trình triển khai còn gặp nhiều khó khăn, phải thực hiện điều chỉnh.

Trong những năm 2021 - năm 2023, UBND huyện đã trình HĐND huyện thông qua 05 nghị quyết điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình thuộc kế hoạch đầu tư công trình trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện Hướng Hóa: Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung 11 công trình với tổng mức đầu tư 32.400 triệu đồng; Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 24/5/2022 điều chỉnh tổng mức đầu tư đối với 03 công trình; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của HĐND huyện về việc phê duyệt bổ sung 04 công trình thuộc nguồn vốn ngân sách huyện quản lý vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện Hướng Hóa; Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 20/6/2023 của HĐND huyện bổ sung 05 công trình với tổng mức đầu tư 14.075,733 triệu đồng, điều chỉnh tổng mức đầu tư đối với 07 công trình; Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 28/7/2023 bổ sung 03 công trình với tổng mức đầu tư 12.800 triệu đồng.

HĐND huyện đã ban hành 02 Nghị quyết về việc dừng thực hiện chủ trương đầu tư các công trình: Công trình Sửa chữa nhà A và sân Huyện ủy (Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 10/11/2022), công trình Xây dựng phòng làm việc một cửa kết hợp hội trường Trụ sở xã Xy (Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 10/11/2022, do công trình được đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh).

Kế hoạch đầu tư công trung hạn được phê duyệt còn mang tính liệt kê, các công trình đưa vào kế hoạch chưa được khảo sát, đánh giá về quy mô, tính cấp thiết cũng như chưa xem xét đến việc hoàn thiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo định hướng của huyện.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

Thu ngân sách huyện hạn chế, thu từ nguồn thu sử dụng đất hàng năm không đạt được theo kế hoạch, nguồn vốn đầu tư chủ yếu phụ thuộc vào nguồn phân bổ từ ngân sách cấp trên và hỗ trợ từ ngân sách tỉnh, do đó, không đủ nguồn lực để bố trí cho các công trình theo kế hoạch.

Công tác thu hút đầu tư, huy động nguồn lực xã hội hóa chưa đạt nhiều kết quả.

Thời điểm lập kế hoạch đầu tư công trung hạn chưa có kế hoạch phân bổ kinh phí các Chương trình mục tiêu quốc gia nên các công trình đầu tư đều đưa vào kế hoạch trung hạn, làm đẩy cao tổng nguồn vốn đối với kế hoạch trung hạn.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Việc dự kiến nguồn lực chưa sát với thực tế và khả năng huy động nguồn lực.

Các công trình đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn chủ yếu là các công trình tổng hợp từ cơ sở, chưa có chọn lọc, đánh giá về mức độ cấp thiết và chưa có sự cân đối với nguồn lực.

Quá trình xây dựng kế hoạch đầu tư công chưa khảo sát tại thực địa, chưa đánh giá đúng quy mô công trình triển khai thực hiện, do đó việc xác định tổng mức đầu tư một số công trình chưa tính đến hạng mục giải phóng mặt bằng, dẫn đến phải điều chỉnh tổng mức đầu tư.

III. Sự cần thiết phải điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

Trên cơ sở đánh giá việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 trong những năm 2021 - 2023, UBND huyện đề xuất điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vì các lý do sau:

- Giai đoạn 2021 - 2025, trên địa bàn huyện triển khai thực hiện 03 Chương trình MTQG: Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững. Trên cơ sở kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được phê duyệt tại Nghị quyết số 59/NQ-HĐND của HĐND huyện, UBND các xã, thị trấn đã rà soát, đề xuất đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn các công trình thực hiện các Chương trình MTQG và đã được phê duyệt thông qua tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của HĐND huyện.

- Qua rà soát, một số công trình đã được triển khai thực hiện từ nguồn vốn chi thường xuyên như: nguồn chính trang đô thị, nguồn vốn hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và một số nguồn duy tu, sửa chữa khác từ ngân sách huyện.

- Một số công trình đã được đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách xã, nguồn vốn của các tổ chức phi chính phủ và một số nguồn vốn hợp pháp khác.

- Một số công trình cấp thiết trên địa bàn huyện cần được bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn để đầu tư xây dựng, góp phần thay đổi mỹ quan đô thị,

nông thôn, hoàn thiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, khắc phục những công trình hư hỏng nặng, ảnh hưởng lớn đến sinh hoạt của người dân.

- Việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công để đảm bảo yêu cầu về tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương về nguồn vốn và sớm phát huy hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư.

B. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. Nguyên tắc điều chỉnh tổng thể kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

- Linh hoạt, lồng ghép giữa các nguồn vốn để hoàn thành tối đa các nhiệm vụ, dự án đã được Hội đồng nhân dân huyện giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

- Đảm bảo triển khai thực hiện và giải ngân hết kế hoạch vốn hàng năm được UBND tỉnh, HĐND huyện giao trong tổng kế hoạch trung hạn được phê duyệt và thích ứng với nguồn thu đầu giá đất dự kiến theo kế hoạch đề ra.

- Ưu tiên bổ sung kế hoạch đối với khoản dự phòng ngân sách địa phương nhằm đảm bảo khả năng xử lý linh hoạt, hiệu quả các vấn đề cấp bách, phát sinh của tỉnh trong thời gian tới.

- Đảm bảo kế hoạch vốn thực hiện giãn tiến độ, chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030 không vượt quá 20% tổng số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

II. Cách thức dự kiến thực hiện điều chỉnh tổng thể kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

1. Đối với nguồn vốn ngân sách huyện quản lý:

- Thực hiện điều chỉnh giảm kế hoạch trung hạn khi có sự trùng lặp về đầu tư của một số nhiệm vụ, dự án hoặc đã được ngân sách tỉnh đầu tư.

- Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn đầu tư, đồng thời chuyển sang cân đối từ nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện để dành nguồn lực bổ sung cho các nhiệm vụ, dự án có tính chất cấp thiết phải triển khai thực hiện.

- Dự báo nguồn thu không đạt theo kế hoạch được Hội đồng nhân dân huyện giao dẫn đến một số nhiệm vụ, dự án cấp thiết không thể đảm bảo hoàn thành theo đúng tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, cần thực hiện:

+ Điều chỉnh giảm kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được Hội

đồng nhân dân huyện giao đảm bảo phù hợp với khả năng thực hiện của địa phương đối với tổng nguồn kế hoạch vốn đất;

+ Điều chỉnh giảm kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và sẽ triển khai thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030 đối với dự án đến nay chưa được Hội đồng nhân dân huyện bố trí vốn;

+ Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn đầu tư để chuyển sang ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách huyện nhằm đảm bảo hoàn thành dự án trong giai đoạn 2021 - 2025;

2. Đối với nguồn vốn ngân sách trung ương: Căn cứ khoản 2, Điều 57 Luật Đầu tư công Đưa ra khỏi kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của huyện các công trình dự án có kế hoạch sử dụng nguồn ngân sách trung ương do Nguồn vốn này đã có điều chỉnh tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của HĐND huyện về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022.

3. Đối với nguồn vốn khác: Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 do không dự báo được chính xác thời điểm được phân bổ, đầu tư.

III. Dự kiến phương án điều chỉnh giữa kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

1. Đối với nguồn vốn ngân sách huyện quản lý

1.1. Điều chỉnh tên công trình, tổng mức đầu tư một số công trình để phù hợp với khả năng nguồn lực và quy mô thực hiện

Điều chỉnh tên công trình, tổng mức đầu tư, thời gian khởi công - hoàn thành đối với 14 công trình (tổng mức đầu tư 66.110 triệu đồng) để thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025, đảm bảo phù hợp với quy mô đầu tư và khả năng cân đối của nguồn lực.

1.2. Giảm Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025

a. Các công trình giao thông + hạ tầng kỹ thuật

Giảm Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 đối với 09 công trình với tổng mức đầu tư 20.800 triệu đồng: Đường nội khóm Khe Đá - TT Lao Bảo; Nâng cấp, sửa chữa Đường A Túc - Xy; Đường liên khóm Ka Tăng - Khe Đá GD1; Đường liên khóm Ka Tăng - Khe Đá GD2; Đường nội khóm Tân Kim - TT Lao Bảo; Vĩa hè, cây xanh, hệ thống thoát nước đường Lê Lợi - TT Khe Sanh; Vĩa hè, cây xanh, hệ thống thoát nước đường Phan Đình Phùng - TT Khe Sanh; Vĩa hè, cây xanh, hệ

thống thoát nước đường Đinh Tiên Hoàng - TT Khe Sanh; Chinh trang đô thị thị trấn Lao Bảo; Xây dựng hạ tầng kỹ thuật nghĩa trang nhân dân thị trấn Khe Sanh (giai đoạn 1).

Lý do: Các công trình này đã được đầu tư và huy động nguồn lực xây dựng từ các nguồn vốn khác (ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách xã, nguồn chi thường xuyên sự nghiệp kinh tế của huyện, nguồn vốn xã hội hóa) hoặc đã nằm trong tổng thể các công trình khác.

Giảm Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 đối với 37 công trình với tổng mức đầu tư 100.000 triệu đồng: Đường giao thông Trần Quang Khởi - Hồ Duy Tân (Khối 1) - TT Khe Sanh; Đường giao thông Trần Quang Khải - Cao Xuân Đức (Khối 1) - TT Khe Sanh; Đường giao thông HCM - Tân Độ (Khối 1) - TT Khe Sanh; Đường giao thông HCM - Rẫy cà phê (Khối 1) - TT Khe Sanh; Đường giao thông Kiệt Lê Duẩn - Đoàn Khuê (Khối 4) - TT Khe Sanh; Đường giao thông Kiệt Hùng Vương - Khối 7 - TT Khe Sanh; Đường giao thông Kiệt hộ Bà Chơn- Đại Thủy - Khối 7 - TT Khe Sanh; Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Hữu Thọ - TT Khe Sanh; Nâng cấp đường Nguyễn Hữu Thọ, đoạn Lê Duẩn đến Lê Lợi; Đường Nội khóm Xuân Phước GD 2 - TT Lao Bảo; Đường nội khóm Duy Tân GD 2 - TT Lao Bảo; Đường nội khóm Cao Việt; Đường Nguyễn Công Trứ - TT Lao Bảo; Đường Duy Tân - Tân Kim - TT Lao Bảo; Đường nội khóm An Hà - TT Lao Bảo; Đường nội khóm Tân Kim - TT Lao Bảo; Đường liên khóm Tây chính - Trung Chính - TT Lao Bảo; Đường Hồ Bá Kiện nổi dài - TT Lao Bảo; Đường Đặng Tất nổi dài - TT Lao Bảo; Đường nội khóm An Hà - TT Lao Bảo; Đường Phan Huy chú - TT Lao Bảo; Đường nội khóm Xuân Phước - TT Lao Bảo; Nâng cấp đường Nguyễn Hữu Đồng - TT Lao Bảo; Đường nội khóm Vĩnh Đông - TT Lao Bảo; Đường nội khóm Duy Tân - TT Lao Bảo; Nâng cấp, sửa chữa đường Thuận - Hướng Lộc; Hoàn thành bê tông hóa đường Xa Tuông - Ba Tầng; Hoàn thành bê tông hóa đường Tân Liên - Thuận; Nâng cấp, sửa chữa đường Hướng Tân - Hướng Linh; Đường nội khóm Trung Chính - TT Lao Bảo; Đường giao thông đi thôn Tân Phú xã Tân Liên; Đường bê tông GTNT các thôn Lương Lễ, Quyết Tâm, Tân Xuyên; Đường Lê Quang Đạo, thị trấn Khe Sanh (đoạn từ công ty điện cao thế miền trung +500m); Quy hoạch chi tiết Công viên văn hóa hồ Khe Sanh; Đường quanh Hồ Khe Sanh phía tây; Kè chắn đất, công, hàng rào trường Mầm non Vành Khuyên - điểm trường Khe Đá; Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Hướng Tân.

Lý do: Trên cơ sở cân đối nguồn lực, ưu tiên đầu tư các công trình cấp thiết, đối với các công trình khác sẽ cân đối xây dựng vào kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030.

b. Các công trình thủy lợi

Giảm Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 mục A, phần II, điểm b: “Thủy lợi” có tổng mức đầu tư giai đoạn 2021 - 2025 là 96.050 triệu đồng.

Lý do: Có 07 công trình đã được đầu tư thực hiện từ nguồn vốn hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021, 2022, nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai. Các công trình còn lại tiếp tục cân đối nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và kinh phí hỗ trợ từ UBND tỉnh hàng năm để thực hiện.

c. Các công trình dân dụng và công nghiệp

Giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đối với 02 công trình với tổng mức đầu tư 2.700 triệu đồng.

Lý do: Các công trình này đã được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn các Chương trình MTQG và nguồn vốn ngân sách trung ương khác.

Giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đối với 25 công trình với tổng mức đầu tư 111.400 triệu đồng: Nhà Hiệu bộ trường THCS Tân Long; Hội trường UBND và nhà làm việc 1 cửa - TT Khe Sanh; Nâng cấp nhà hiệu bộ trường MN Tân Hợp; Nhà làm việc UBND xã Tân Hợp; Xây dựng phòng thư viện trường TH - THCS Tân Hợp; Xây dựng mới 02 phòng học chức năng trường MN Tân Hợp; Xây dựng hệ thống tường rào trường TH-THCS Tân Hợp; điểm trường Lương Lễ, Tân Xuyên-xã Tân Hợp; Xây mới 02 phòng học trường MN Tân Liên; Phòng đa chức năng trường TH, THCS xã Tân Liên; Sân trường TH Tân Long; Sân trường THCS Tân Long; Sửa chữa UBND xã Tân Long; Nâng cấp, sửa chữa Chợ Hướng Phùng; Nhà vệ sinh trường TH&THCS Hướng Việt; Xây mới hàng rào điểm trường Ho le xã Húc; Trường TH Húc: Hàng rào, sân chơi điểm trường Ván Ri; Trường TH Húc: Hàng rào, sân chơi điểm trường Tà Rùng; Trung tâm; Húc Thượng; Tà Cu; Nhà văn hóa Trung tâm xã Húc; Xây mới 02 phòng học trường MN Húc; điểm trung tâm; Nhà văn hóa thị trấn Lao Bảo; Trung tâm văn hóa huyện; Trụ sở UBND xã Húc; Nhà văn hóa thị trấn Khe Sanh; Xây dựng và cắm mốc nhà bia di tích lịch sử cấp tỉnh; Phục dựng lăng mộ tại khu di tích lịch sử Đồn điền Mụ Rôm và đường đến lăng mộ.

Lý do: Trên cơ sở cân đối nguồn lực, ưu tiên đầu tư các công trình cấp thiết, đối với các công trình khác sẽ cân đối xây dựng vào kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030.

d. Các công trình điện chiếu sáng

Giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đối với mục A,

phần II, điểm d "Điện chiếu sáng" đối với 05 công trình với tổng mức đầu tư 4.200 triệu đồng.

Lý do: Kinh phí thực hiện đầu tư các công trình điện chiếu sáng sẽ cân đối từ nguồn chính trang đô thị ngân sách tỉnh hỗ trợ hàng năm.

e. Hệ thống y tế

Giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đối với 04 công trình với tổng mức đầu tư 6.300 triệu đồng.

Lý do: Các công trình thuộc hệ thống y tế, đề xuất đầu tư từ nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh do tỉnh quản lý.

g. Sự nghiệp giáo dục

Trong các năm 2021 - 2023, UBND tỉnh, UBND huyện đã đầu tư xây mới 02 công trình trường học: Trường Mầm non A Túc, Trường Mầm non Khe Sanh với tổng mức đầu tư 25.000 triệu đồng.

Bên cạnh đó, trên cơ sở ưu tiên nhu cầu bức thiết của các trường, UBND huyện thực hiện đầu tư, nâng cấp một số hạng mục phòng học, phòng bộ môn, nhà đa năng, nhà hiệu bộ, nhà vệ sinh và một số hạng mục phụ trợ tại các trường với tổng mức đầu tư 74.754,733 triệu đồng: Mầm non Hương Linh, Mầm non Hương Việt, Mầm non Thuận, Mầm non Húc, Tiểu học Hương Phùng, Tiểu học Thuận, Tiểu học Hương Tân, Tiểu học Tân Lập, Tiểu học số 1 Khe Sanh, Tiểu học số 2 Khe Sanh, Tiểu học số 1 Lao Bảo, Tiểu học số 2 Lao Bảo, Tiểu học và THCS Tân Hợp, Tiểu học và THCS A Dơi, PTDTBT Tiểu học và THCS Ba Tầng, Tiểu học và THCS Tân Liên, Tiểu học và THCS Hương Linh, THCS Khe Sanh, THCS Thuận, THCS Tân Lập;

Các công trình được đầu tư từ ngân sách tỉnh và nguồn vốn các tổ chức phi chính phủ, nguồn vốn các Chương trình MTQG để thực hiện một số hạng mục công trình tại các trường với tổng mức đầu tư 49.325 triệu đồng: Mầm non Hương Phùng, Mầm non Ba Tầng, Mầm non Thanh, Mầm non Hương Lộc, Mầm non Hương Linh, PTDTBT TH và THCS Ba Tầng, PTDTBT Tiểu học và THCS Hương Lập, PTDTBT Tiểu học và THCS Hương Sơn, Tiểu học và THCS Tân Thành, Tiểu học và THCS Hương Việt, THCS Lao Bảo, Tiểu học Thanh, Tiểu học và THCS Tân Liên, THCS Thuận, PTDTBT Tiểu học và THCS Ba Tầng.

Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 đối với các công trình còn lại. Trên cơ sở cân đối nguồn lực, ưu tiên đầu tư các công trình cấp thiết, cân đối để đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030.

h. Các công trình kêu gọi, thu hút đầu tư

Giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đối với 17 công trình với tổng mức đầu tư 5.020.000 triệu đồng.

Lý do: Chưa huy động được nguồn lực, các công trình tiếp tục huy động nguồn lực xã hội hóa để đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030.

(Chi tiết tại phụ lục số 01)

1.3. Các dự án bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025.

Bổ sung 19 công trình với tổng mức đầu tư 56.138,668 triệu đồng. Cụ thể:

a. Lĩnh vực an ninh

Bổ sung công trình: Công, hàng rào tiểu đội dân quân thường trực thị trấn Lao Bảo với tổng mức đầu tư 500 triệu đồng.

Lý do: Đầu tư nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, đảm bảo an toàn cho khu vực đóng quân của lực lượng quân sự Tiểu đội dân quân thường trực.

b. Lĩnh vực quản lý hành chính

- Bổ sung công trình: Hội trường Huyện ủy Hương Hóa, tổng mức đầu tư: 14.968,668 triệu đồng.

Lý do: Hiện nay, huyện chưa có địa điểm để tổ chức các sự kiện, hoạt động có quy mô lớn. Đây là công trình cấp thiết phục vụ Đại hội Đảng bộ huyện và các sự kiện quan trọng của huyện.

- Bổ sung công trình: Sửa chữa trụ sở phòng Tư pháp và phòng Văn hóa và Thông tin huyện, tổng mức đầu tư: 800 triệu đồng.

Lý do: Trụ sở phòng Tư pháp và phòng Văn hóa và Thông tin huyện được xây dựng từ năm 2011, hiện đã xuống cấp, hệ thống tường và trần nhà thấm dột, hiện tại trụ sở không có nhà vệ sinh. Công trình cần được sửa chữa để phục vụ tốt cho công tác của đơn vị.

- Bổ sung công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư mở rộng thị trấn Khe Sanh (Khối 1)

Lý do: Năm 2016, UBND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư mở rộng thị trấn Khe Sanh (Khu 1). Tuy nhiên, do vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng nên công trình chưa được triển khai thực hiện. Năm 2022, công tác giải phóng mặt bằng đã hoàn thành, tuy nhiên, công trình đã hết thời hạn thanh toán và bố trí vốn. Do nhu cầu về mở rộng khu dân cư

thị trấn Khe Sanh, thực hiện lập dự án mới để triển khai công trình nêu trên.

- Bổ sung công trình: Sửa chữa Trụ sở làm việc xã Hướng Việt, tổng mức đầu tư: 1.100 triệu đồng.

Lý do: Trụ sở làm việc xã Hướng Việt hiện đã xuống cấp, hệ thống tường và nền nhà bong tróc. Cử tri đã nhiều lần kiến nghị sửa chữa để đảm bảo cho công tác của CBCC xã và giao dịch của người dân.

c. Công trình giao thông

- Bổ sung công trình: Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Đặng Thai Mai, thị trấn Khe Sanh, tổng mức đầu tư: 470 triệu đồng.

Lý do: Tuyến đường Đặng Thai Mai trên địa bàn thị trấn Khe Sanh có điểm đầu giao với đường Lê Duẩn, điểm cuối giao với đường Trần Hữu Dực, có chiều dài khoảng 0,14 km. Tuyến đường đã được đầu tư gần 20 năm từ nguồn đóng góp của người dân, hiện tại đã hư hỏng, nứt nẻ, đường đất lầy lội, trơn trượt nên người dân đi lại hết sức khó khăn. Ngoài ra, tuyến đường không có hệ thống thoát nước dọc, nên ảnh hưởng đến các hộ dân ở phía dưới dọc tuyến đường khi mùa mưa đến, cử tri nhiều lần kiến nghị. Do đó, cần nâng cấp, sửa chữa tuyến đường để vừa tạo thuận lợi cho bà con đi lại, vừa từng bước chỉnh trang đô thị thị trấn Khe Sanh.

- Bổ sung các công trình: Đầu nối đường Hùng Vương (mới) với các tuyến đường liên thôn thuộc xã Hướng Tân và đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tổng mức đầu tư: 750 triệu đồng; Đường Nguyễn Khuyến, thị trấn Khe Sanh (giai đoạn 1): tổng mức đầu tư: 5.000 triệu đồng; Đường Phạm Ngũ Lão, thị trấn Khe Sanh, tổng mức đầu tư: 2.500 triệu đồng.

Lý do: Đây là các hạng mục công trình thuộc Dự án Phát triển đô thị dọc hành lang Tiểu vùng Sông Mê Kông (GMS). Theo hiệp định đã được ký kết thì dự án GMS sẽ kết thúc vào ngày 31/12/2023, thời gian còn lại chỉ đủ để thực hiện hoàn thiện hồ sơ thanh toán, quyết toán và đóng dự án. Đối với các hạng mục còn lại chưa thi công, UBND tỉnh giao UBND huyện huy động các nguồn lực để thực hiện (*Tại Thông báo số 224/TB-UBND ngày 09/10/2023 của UBND tỉnh*). Các công trình nêu trên, cử tri cũng đã nhiều lần kiến nghị triển khai thi công nhằm tạo điều kiện đi lại thuận lợi cho người dân.

- Bổ sung công trình: Đường giao thông nội thôn thôn An Tiêm, xã Tân Thành với tổng mức đầu tư: 550 triệu đồng.

Lý do: Công trình hiện đang hư hỏng nặng, ảnh hưởng đến việc đi lại, đường chưa được bê tông hóa. Công trình thực hiện để hoàn thiện tiêu chí xây dựng thôn

đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Bổ sung các công trình: Đường vào trụ sở UBND xã Hướng Phùng với tổng mức đầu tư 600 triệu đồng; Đường vào trụ sở UBND xã Ba Tầng với tổng mức đầu tư 2.000 triệu đồng.

Lý do: Trụ sở làm việc xã Hướng Phùng và Trụ sở làm việc xã Ba Tầng đang được đầu tư xây dựng. Tuy nhiên, lối vào trụ sở hiện nay chưa có, cần thiết đầu tư để tạo thuận lợi cho hoạt động và giao dịch của người dân.

- Bổ sung công trình: Sửa chữa cầu khe Pa Râng tại thôn Thuận 1, xã Thuận với tổng mức đầu tư 1.200 triệu đồng.

Lý do: Do hậu quả mưa lũ, cầu qua khe Pa Râng tại thôn Thuận 1, xã Thuận bị hư hỏng nghiêm trọng. Tuy nhiên, do khả năng của nguồn lực nên đến nay chưa được sửa chữa, người dân đi lại khó khăn và đặc biệt nguy hiểm khi mùa mưa lũ đến.

d. Điện chiếu sáng

Bổ sung các công trình: Hệ thống điện chiếu sáng đường trung tâm xã Tân Liên (tổng mức đầu tư: 1.500 triệu đồng), Hệ thống điện chiếu sáng đường trung tâm xã Tân Lập (tổng mức đầu tư: 1.500 triệu đồng).

Lý do: Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng tại các tuyến đường chính trên địa bàn 02 xã Tân Liên, Tân Lập để góp phần làm thay đổi diện mạo nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn giao thông khu vực nông thôn, đảm bảo đạt tiêu chí nâng cao xã nông thôn mới.

e. Lĩnh vực thương mại

Bổ sung công trình: Cải tạo, sửa chữa hệ thống chữa cháy tự động Trung tâm Thương mại Lao Bảo, tổng mức đầu tư: 500 triệu đồng.

Lý do: Hệ thống chữa cháy tự động tại Trung tâm Thương mại Lao Bảo đã được đầu tư từ năm 2003, hiện nay không hoạt động, không có khả năng chữa cháy trong trường hợp hỏa hoạn. Qua quá trình kiểm tra, Công an tỉnh (PC07) đề xuất sửa chữa kịp thời để đảm bảo an toàn cho bà con trong trường hợp rủi ro.

Bổ sung công trình: Nâng cấp, sửa chữa các đình kinh doanh và hệ thống phòng cháy, chữa cháy tại chợ Khe Sanh, tổng mức đầu tư: 2.500 triệu đồng.

Lý do: Tại các đình kinh doanh: Sau 25 năm hoạt động, một số hạng mục tại các đình kinh doanh bị hư hỏng, mái tôn bị thấm dột, ảnh hưởng đến hoạt động kinh

doanh của bà con, đặc biệt là khi mùa mưa đến, hàng hóa dễ bị hư hỏng do thấm dột. Hệ thống chữa cháy chưa đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định. Cần thiết sửa chữa để bà con ổn định hoạt động kinh doanh.

Bổ sung công trình: Chợ chuỗi xã Tân Long với tổng mức đầu tư 11.000 triệu đồng.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc giao thương, buôn bán sản phẩm nông sản chủ lực trên địa bàn xã Tân Long.

g. Lĩnh vực văn hóa

Bổ sung công trình: Nhà văn hóa xã Tân Long, tổng mức đầu tư: 2.200 triệu đồng (*Trong đó: Nguồn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và nguồn đóng góp của người dân: 985,4 triệu đồng; ngân sách huyện: 1.214,6 triệu đồng*).

Lý do: UBND xã Tân Long được công nhận xã đạt chuẩn Nông thôn mới vào năm 2016, tuy nhiên trong quá trình được công nhận vẫn còn nợ một số tiêu chí chưa được đầu tư. Hiện nay qua rà soát lại, xã Tân Long đạt trên 14/19 tiêu chí, trong đó thiếu tiêu chí số 6, chỉ tiêu 6.1: Xã có nhà văn hoá hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ văn hoá và thể thao toàn xã. Do đó, đầu tư công trình nhằm hoàn thiện các tiêu chí và phấn đấu xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu vào năm 2025 theo lộ trình của huyện.

2. Đối với các công trình do xã làm chủ đầu tư

Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 đối với các công trình tại mục B, tổng mức đầu tư 636.626 triệu đồng.

Lý do: Công trình đã được UBND các xã, thị trấn rà soát, ưu tiên đề xuất đưa vào kế hoạch thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025, đã được HĐND huyện phê duyệt tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của HĐND huyện.

(Chi tiết theo phụ lục số 01)

3. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau khi điều chỉnh

3.1. Dự kiến nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025: 290.000 triệu đồng.

Trong đó:

- Nguồn vốn XDCB phân bổ theo tiêu chí: 56.310 triệu đồng.
- Nguồn vốn XDCB từ nguồn thu sử dụng đất: 75.435,436 triệu đồng.

- Nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh: 47.834 triệu đồng.
- Nguồn khác (bao gồm nguồn tiết kiệm chi sự nghiệp giáo dục, nguồn bổ sung từ ngân sách cấp trên và các nguồn vốn khác): 102.170,564 triệu đồng.
- Nguồn đề xuất hỗ trợ từ ngân sách tỉnh và huy động nguồn lực xã hội hóa: 8.250 triệu đồng.

3.2. Phân bổ nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025: 290.000 triệu đồng.

Trong đó:

- Công trình chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 chuyển sang: 61.763,436 triệu đồng.
- Công trình khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025: 187.405,266 triệu đồng.
- Đối ứng thực hiện các công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn vốn khác: 32.581,298 triệu đồng.
- Các công trình đề xuất tỉnh hỗ trợ và huy động nguồn lực xã hội hóa: 8.250 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục số 02)

UBND huyện báo cáo HĐND huyện phương án điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. /.

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy;
- HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Các xã, thị trấn
- C, PVP, CV;
- Lưu: VT. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Bình Thuận

BÁ SƠ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025 ĐÃ PHÊ DUYỆT TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 59/NQ-HĐND NGÀY 18/12/2020 CỦA HĐND HUYỆN
(Kèm theo Báo cáo số: 122/BC-UBND ngày 30/11/2023 của UBND huyện)

ST	Đanh mục công trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Các công trình giải đoạn 2016-2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giải đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt tại Nghị quyết số 59/NQ-HĐND						Giải chi		
			Tổng số	Trong đó		Tổng mức đầu tư	Chia theo nguồn vốn						
				Kế hoạch thực hiện đến hết năm 2020	Chuyển tiếp sang giải đoạn 2021 - 2025		NSTW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã		Nguồn KP khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
	TỔNG CỘNG	128.260	128.260	43.818	84.442	6.740.789	873.778	215.553	440.665			5.210.800	
A	CÁC DỰ ÁN DO HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ	128.260	128.260	43.818	84.442	6.104.163	282.204	215.553	424.214			5.182.190	
1	Dự án chuyển tiếp giải đoạn từ 2016 - 2020 sang giải đoạn 2021 - 2025	128.260	128.260	43.818	84.442	56.442		14.600	75.842			5.000	
*	Công trình đã thực hiện												
1	Sửa chữa nhà A và sân trước Ủy	3.000	3.000	650	2.350	2.350						2.350	Công trình đã hoàn thành
2	Trường Mầm non Khe Sanh	15.000	15.000	7.250	7.750	7.750						7.750	Công trình đã hoàn thành
3	Nhà hiệu bộ một số trường Tiểu học và Trung học cơ sở	13.000	13.000	6.000	7.000	7.000						7.000	Công trình đã hoàn thành
4	Phòng học một số trường Tiểu học và Trung học cơ sở	14.900	14.900	7.000	7.900	7.900						7.900	Công trình đã hoàn thành
5	Đường giao thông liên 283 Lê Duẩn nối kết 9 Đình Tân Hoàng, khối 3B, thị trấn Khe Sanh	600	600	500	74	74						74	Công trình đã hoàn thành
6	Trường THCS Tân Liên; Hàng mục: Cải tạo nhà học 10 phòng, nhà học 04 phòng và Nhà vệ sinh	1.000	1.000	802	198	198						198	Công trình đã hoàn thành
7	Trường THCS Khe Sanh; Hàng mục: Cải tạo nhà học 02 tầng và nhà hiệu bộ	1.000	1.000	818	182	182						182	Công trình đã hoàn thành
8	Trụ sở làm việc xã A Đoi	10.000	10.000	3.300	6.500	6.500						6.500	Công trình đã hoàn thành
9	Trường Mầm non Tân Hợp	3.200	3.200	1.200	2.000	2.000						2.000	Công trình đã hoàn thành
10	Nâng cấp đường Văn Cao, khối 2, thị trấn Khe Sanh	360	360	136	224	224						224	Công trình đã hoàn thành
11	Đường giao thông Hồ Thương Liên Ông giải đoạn 2, thị trấn Lao Bào	500	500	175	325	325						325	Công trình đã hoàn thành
12	Nâng cấp mở rộng đường trung tâm xã Tân Liên	5.000	5.000	4.507	493	493						493	Công trình đã hoàn thành
13	Nâng cấp mở rộng đường trung tâm xã Tân Liên	500	500		500	500						500	Công trình đã hoàn thành
14	Sửa chữa trụ sở phòng Nội vụ và các cơ quan	500	500	290	210	210						210	Công trình đã hoàn thành
15	Sửa chữa trụ sở Trung tâm y tế huyện	500	500	280	220	220						220	Công trình đã hoàn thành
16	Sửa chữa trụ sở UBND thị trấn Khe Sanh	500	500	330	170	170						170	Công trình đã hoàn thành
17	Nhà học bộ môn trường THPT/THCS Tân Hợp	2.000	2.000		2.000	2.000						2.000	Công trình đã hoàn thành
18	Trường Mầm non Hoàng Liên - Điểm trường thôn Mũi	800	800	702	98	98						98	Công trình đã hoàn thành
19	Trường Mầm non A Tào - Điểm trường Tầng Cỏ	800	800	702	98	98						98	Công trình đã hoàn thành
20	Sửa chữa trụ sở Công an huyện	500	500		500	500						500	Đã thực hiện công trình. Sửa chữa trụ sở Công an huyện Hoàng Hoa Thám; Hàng mục: Sửa chữa nhà 03 tầng
21	Sửa chữa trụ sở UBND huyện	4.000	4.000		4.000	4.000						4.000	Đã thực hiện công trình. Sửa chữa trụ sở HĐND và UBND huyện
22	Trụ sở làm việc xã Ba Tầng	10.000	10.000	450	9.550	9.550						9.550	Công trình đang thực hiện
23	Trụ sở UBND xã Hoàng Phóng	10.000	10.000	3.300	6.500	6.500						6.500	Công trình đang thực hiện
24	Nâng cấp mở rộng chợ Tân Liên	10.000	10.000	1.000	9.000	9.000		5.000	4.000			4.000	Công trình đang thực hiện
25	Đường vào khu dân cư mới thị trấn Tân Sơn, xã Tân Hợp	4.600	4.600		4.600	4.600		3.600	1.000			1.000	Công trình khởi công mới năm 2024
*	Công trình đang thực hiện												
1	Xây dựng công và mở rộng đường vào Trung tâm bồi dưỡng Chính trị huyện	500	500		500	500						500	Hàng mục xây dựng công đã được triển khai thực hiện từ nguồn chi thường xuyên
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư mới (đợt thị trấn Khe Sanh (Khối 1))	15.000	15.000	4.160	10.840	10.840						10.840	Đang dự án, lập dự án mới
3	Xây dựng trụ sở làm việc một cửa và các phòng làm việc chuyên môn của UBND xã Tân Lập	2.000	2.000		2.000	2.000						2.000	Đang thực hiện do vướng mặt bằng
4	Xây dựng mới chợ dưới xã Tân Lập	10.000	10.000		10.000	10.900			6.000	4.000		4.000	Đang thực hiện do vướng mặt bằng
II	Dự án khởi công mới giải đoạn 2021 - 2025					6.807.721	282.204	200.953	347.374			5.177.198	39.460
*	Chiều thẳng vào tổng kế hoạch					149.260		58.400	43.400				
*	Các công trình đã thực hiện và công trình dự kiến đầu tư trong giải đoạn 2021 - 2025												
1	Đường giao thông trung tâm thôn Tân Sơn xã QL9					2.000						1.800	Đã thực hiện công trình. Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông thôn Tân Sơn, xã Tân Lập
2	Đường Lê Lai - TT Lao Bào					360						360	Đã thực hiện công trình. Sửa chữa, nâng cấp đường Lê Lai, thị trấn Lao Bào
3	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị trấn Khe Sanh					13.000		2.000	4.000				Công trình đang triển khai thực hiện
4	Đường giao thông Khe Phan Chu Trinh - xã Bà Yên (Khối 3) - TT Khe Sanh					1.300						1.000	Công trình khởi công mới năm 2024

TT	Danh mục công trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Các công trình giai đoạn 2014-2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt tại Nghị quyết số 59/2020-NQ-HĐND		Chia theo nguồn vốn					Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó		Tổng mức đầu tư	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Nguồn KP khác		
				Kế hoạch thực hiện đến hết năm 2020	Chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài trong nhân dân thị trấn Lao Bảo (giai đoạn 1)					5.000					2.000	3.000	Công trình khởi công mới năm 2024, điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư
6	Đường liên thôn thôn An Hòa Cao Việt - TT Lao Bảo					1.400					1.000	400	Công trình khởi công mới năm 2024; Đường liên thôn An Hòa - Cao Việt, thị trấn Lao Bảo, điều chỉnh tên công trình, điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư
7	Nâng cấp đường Phạm Ngũ Lão - Hùng Vương					1.800						1.800	Công trình khởi công mới năm 2024; Đường Phạm Ngũ Lão, thị trấn Khe Sanh, điều chỉnh tên công trình, điều chỉnh tổng mức đầu tư
8	Đường Ngô Gia Tự					1.200						1.200	Công trình khởi công mới năm 2025, điều chỉnh tên công trình, điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư
9	Đường giao thông Kiệt Đình Tân Hoàng - hệ Bà Lát (Khối 3) - TT Khe Sanh					1.000					1.000		Công trình khởi công mới năm 2025
10	Đường giao thông Kiệt Trần Cao Văn - hệ Ông Sơn (Khối 4) - TT Khe Sanh					1.300					700	600	Công trình khởi công mới năm 2024
*	Công trình giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025												
1	Đường nội thôn Khe Di - TT Lao Bảo						700					700	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, công trình đã được đầu tư từ nguồn Chương trình MTQG
2	Nâng cấp, sửa chữa Đường A Túc - Xy					5.000		5.000					Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, công trình đã được đầu tư từ nguồn Chương trình MTQG
3	Đường liên thôn Ka Tăng - Khe Di GD1					1.300					1.300		Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, công trình đã được đầu tư từ nguồn Chương trình MTQG
4	Đường liên thôn Ka Tăng - Khe Di GD2					1.000					1.000		Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, công trình đã được đầu tư từ nguồn Chương trình MTQG
5	Đường nội thôn Tân Khe - TT Lao Bảo					500						500	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, công trình đã được đầu tư từ nguồn ngân sách xã
6	Và bê, cây xanh, hệ thống thoát nước đường Lê Lợi - TT Khe Sanh					800					800		Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, hạng mục đã được triển khai thực hiện (thuộc dự án chính trong đô thị)
7	Và bê, cây xanh, hệ thống thoát nước đường Phan Đình Phùng - TT Khe Sanh					800					800		Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, hạng mục đã được triển khai thực hiện (thuộc dự án chính trong đô thị)
8	Và bê, cây xanh, hệ thống thoát nước đường Đinh Tiên Hoàng - TT Khe Sanh					800					800		Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, hạng mục đã được triển khai thực hiện (thuộc dự án chính trong đô thị)
9	Chính trong đô thị thị trấn Lao Bảo					5.000					3.000	2.000	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, hạng mục đã được triển khai thực hiện (thuộc dự án chính trong đô thị)
10	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài trong nhân dân thị trấn Khe Sanh (giai đoạn 1)					5.000					2.000	3.000	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, công trình huy động vốn từ nguồn vốn xã hội hóa
11	Đường giao thông Tấn Quang Khôi - Hồ Dục Tân (Khối 1) - TT Khe Sanh					800					800		Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
12	Đường giao thông Tấn Quang Khôi - Cao Xuân Đức (Khối 1) - TT Khe Sanh					800					800		Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
13	Đường giao thông HCM - Tân Đô (Khối 1) - TT Khe Sanh					800					800		Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
14	Đường giao thông HCM - Rẫy cá phê (Khối 1) - TT Khe Sanh					1.000					1.000		Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
15	Đường giao thông Kiệt Lê Duẩn - Đoàn Khuê (Khối 4) - TT Khe Sanh					1.500					1.000	500	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
16	Đường giao thông Kiệt Hùng Vương - Khối 7 - TT Khe Sanh					5.000					2.000	3.000	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030

TT	Bach mục công trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Các công trình giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt tại Nghị quyết số 59/NQ-HĐND						Ghi chú		
			Tổng số	Trung dài		Tổng mức đầu tư	Chiều theo nguồn vốn						
				Kế hoạch thực hiện đến hết năm 2020	Chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		NSTW	NS nhà	NS huyện	NS xã		Nguồn KP khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
17	Đường giao thông Khe Hè Bà Chọc- Đại Thày - Khối 7 - TT Khe Sanh					2.500			1.300			1.500	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
18	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Hữu Thọ - TT Khe Sanh					3.000		3.000					Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
19	Nâng cấp đường Nguyễn Hữu Thọ, đoạn Lê Duẩn đến Lê Lợi					1.600						1.600	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
20	Đường nội khóm Xuân Phước GD 2 - TT Lao Bảo					400			400				Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
21	Đường nội khóm Duy Tân GD 2 - TT Lao Bảo					800			800				Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
22	Đường nội khóm Cao Việt					900						900	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
23	Đường Nguyễn Công Trứ - TT Lao Bảo					1.200						1.200	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
24	Đường Duy Tân - Tân Kim - TT Lao Bảo					900						900	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
25	Đường nội khóm An Hà - TT Lao Bảo					1.800						1.800	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
26	Đường nội khóm Tân Kim - TT Lao Bảo					2.000			1.000			1.000	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
27	Đường liên khóm Tây chính - Trung Chính - TT Lao Bảo					700						700	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
28	Đường Hồ Bà Kiên nội địa - TT Lao Bảo					1.300			500			800	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
29	Đường Đặng Thị nội địa - TT Lao Bảo					800			400			400	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
30	Đường nội khóm An Hà - TT Lao Bảo					600			300			300	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
31	Đường Phan Bội châu - TT Lao Bảo					500						500	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
32	Đường nội khóm Xuân Phước - TT Lao Bảo					600			300			300	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
33	Nâng cấp đường Nguyễn Hữu Đồng - TT Lao Bảo					1.000			1.000				Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
34	Đường nội khóm Vĩnh Đồng - TT Lao Bảo					500			500				Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
35	Đường nội khóm Duy Tân - TT Lao Bảo					500			500				Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030

TT	Đanh mục công trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Các công trình giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch đầu tư trong hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND		Chia theo nguồn vốn					Ghi chú
			Tổng số	Trung đó		Tổng mức đầu tư	NSYW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Nguồn KP khác	
				Kế hoạch được hiện đến hết năm 2020	Chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
36	Nâng cấp, sửa chữa đường Thuận - Hương Lộc					15.000		15.000				Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
37	Hiện đại hóa hệ thống hóa đường Xe Trường - Ba Tầng					4.000		4.000				Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
38	Hiện đại hóa hệ thống hóa đường Tân Liên - Thuận					3.000			1.500		1.500	Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
39	Nâng cấp, sửa chữa đường Hương Tân - Hương Lĩnh					20.000		20.000				Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
40	Đường nội khu Trung Chính - TT Lao Bảo					1.000			1.000			Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
41	Đường giao thông di thôn Tân Phú xã Tân Liên					1.500			1.000			Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
42	Đường bê tông GIINT xã thôn Lương Lễ, Quyết Tiến, Tân Xuyên					4.500			4.500			Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
43	Đường L3 Quang Đạo, thị trấn Khe Sanh (đoạn từ công ty điện cao thế miền trung + 500m)					1.600			500		1.100	Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
44	Quy hoạch chi tiết Công viên văn hóa hồ Khe Sanh					3.000			1.000		2.000	Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
45	Đường quanh hồ Khe Sanh phía tây					10.000			2.050			Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
46	Kè chắn đá, công, bệng rêu trường Mầm non Vĩnh Khayên - điểm trường Khe Đê					400			400			Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
47	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Hương Tân					5.000			1.000		4.000	Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
3	Thủy lợi					46.050		14.500	23.550		58.000	
4	Công trình giảm kế hoạch đầu tư công trong hạn giai đoạn 2021 - 2025											
1	Nạo vét hồ thủy lợi Tân Tài xã Tân Lập					1.500			1.500			Giám kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021 - 2025, công trình đã được thực hiện từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021
2	Thủy lợi Xã Nghệ xã Hương Lĩnh					1.100			1.100			Giám kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021 - 2025, công trình đã được thực hiện từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021
3	Thủy lợi Tầng Quan, xã Lưu					800			800			Giám kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021 - 2025, công trình đã được thực hiện từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021
4	Thủy lợi Hồ Kỳ Nội, xã Lưu					1.100			1.100			Giám kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021 - 2025, công trình đã được thực hiện từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021
5	Thủy lợi Cù Bai, xã Hương Lập					3.000		3.000				Giám kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021 - 2025, công trình đã được thực hiện từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021
6	Thủy lợi Xã Kìa xã Hương Phụng					300			700			Giám kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021 - 2025, công trình đã được thực hiện từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021

TT	Đanh mục công trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Các công trình giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND							Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng mức đầu tư	Chấn theo nguồn vốn					
				Kế hoạch thực hiện đến hết năm 2020	Chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		NSTW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Nguồn KP khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
7	Nước sinh hoạt thôn Chính Văn, xã Hướng Phụng					3.000			1.000			Giảm kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021 - 2025, công trình đã được đầu tư từ nguồn ngân sách ngân sách trung ương hỗ trợ khác phục hiện tại
8	Hệ thống nước sinh hoạt vào thôn Bả và Tân Lập					1.800			1.000			Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
9	Nạp vét hồ Khe Sánh và thủy lợi thôn 5					30.000		1.000	2.000			Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
10	Thủy lợi thôn Bý - Xa Ra, xã Hướng Tân					5.000			1.500			Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
11	Hồ chứa nước Hướng Tân, xã Hướng Tân					800			800			Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
12	Hồ Tân Đà, TT Khe Sánh					800			800			Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
13	Hồ Thanh niên xã Tân Liên					700			700			Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
14	Mô hình nông nghiệp công nghệ cao					23.000		3.000			20.000	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
15	Nước sinh hoạt xã Thanh					3.000			1.000			Giảm kế hoạch đầu tư công, cần đổi thực hiện từ nguồn Chương trình MTQG
16	Nước sinh hoạt xã Hướng Việt					5.000			1.500			Giảm kế hoạch đầu tư công, cần đổi thực hiện từ nguồn Chương trình MTQG
17	Hệ thống nước sinh hoạt thôn Xi Núc					800			800			Giảm kế hoạch đầu tư công, cần đổi thực hiện từ nguồn Chương trình MTQG
18	Nạp vét lòng hồ và cải tạo hệ thống để bổ thủy lợi thôn Lương Lễ xã Tân Hợp					4.500		4.500				Giảm kế hoạch đầu tư công, cần đổi thực hiện từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
19	Nạp vét hồ thủy lợi Tân Sơn xã Tân Lập					800			800			Giảm kế hoạch đầu tư công, cần đổi thực hiện từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
20	Thủy lợi thôn Cúa, xã Hướng Tân					1.000			1.000			Giảm kế hoạch đầu tư công, cần đổi thực hiện từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
21	Thủy lợi thôn Tân Việt, xã Hướng Tân					1.500			1.500			Giảm kế hoạch đầu tư công, cần đổi thực hiện từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
22	Thủy lợi Hương xã Hướng Linh					700			700			Giảm kế hoạch đầu tư công, cần đổi thực hiện từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
23	Thủy lợi Cu Vu xã Hướng Linh					900			900			Giảm kế hoạch đầu tư công, cần đổi thực hiện từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
24	Thủy lợi Hồ bán muối, xã Hướng Sơn					800			800			Giảm kế hoạch đầu tư công, cần đổi thực hiện từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
25	Thủy lợi A Dơi Cỏ, xã A Dơi					900			900			Giảm kế hoạch đầu tư công, cần đổi thực hiện từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
26	Thủy lợi A Dơi Đò, xã A Dơi					650			650			Giảm kế hoạch đầu tư công, cần đổi thực hiện từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
27	Thủy lợi Hà Lát, xã Tân Thành					3.000		3.000				Giảm kế hoạch đầu tư công, cần đổi thực hiện từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
c	Đàn đang & công nghiệp					185.396		73.866	71.820		21.690	
*	Công trình đã thực hiện và dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2021 - 2025											
1	Nhà học bộ môn trường THPT và THCS Tân Hợp					3.000		2.700	300			Công trình đã hoàn thành
2	Trụ sở UBND xã Hướng Sơn					10.000			10.000			Công trình nằm trong kế hoạch trung hạn của tỉnh, ngân sách huyện đầu ứng
3	Trụ sở làm việc xã Hướng Linh					9.000			9.000			Công trình nằm trong kế hoạch trung hạn của tỉnh, ngân sách huyện đầu ứng

TT	Nội dung công trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Các công trình giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch đầu tư trong hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND						Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó		Tổng mức đầu tư	Chia theo nguồn vốn					
				Kế hoạch thực hiện đến hết năm 2020	Chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		NSTW	NS địa	NS huyện	NS xã		Nguồn KP khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
4	Xây dựng 01 phòng học - THCS Tân Hợp					1.500			500		1.000	Công trình đã thực hiện; Nhà học bộ môn trường TH&THCS Tân Hợp
5	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống 06 phòng học trường MN Tân Hợp					2.000		2.000				Công trình đã thực hiện; Trường Mầm non Tân Hợp
6	Mở rộng nâng cấp chợ Tân Long					2.000		2.000				Công trình đang thực hiện
7	Trường TH Thanh Hương mạc 02 Phòng học điểm trường Phường					1.200		1.080	120			Công trình nằm trong kế hoạch trung hạn của tỉnh, ngân sách huyện đầu tư
8	Nhà Hiên bộ trường THCS Lạc Bộc					2.500		2.250	250			Công trình nằm trong kế hoạch trung hạn của tỉnh, ngân sách huyện đầu tư (Trường THCS Lạc Bộc; Hương mạc; Nhà hiên bộ)
9	Nhà Hiên bộ, Hương rơm trường Tiểu học Hương Tân					4.000		3.600	400			Công trình nằm trong kế hoạch trung hạn của tỉnh, ngân sách huyện đầu tư (Trường Tiểu học Hương Tân; Hương mạc; Nhà hiên bộ, rơm, hương rơm)
10	Trường Mầm non A Túc					10.000		9.950	1.000			Công trình nằm trong kế hoạch trung hạn của tỉnh, ngân sách huyện đầu tư
11	Trụ sở làm việc UBND xã Hương Việt					10.000					9.000	Công trình khởi công năm 2024; Sửa chữa trụ sở làm việc xã Hương Việt, điều chỉnh ứng mức đầu tư
*	Công trình giám kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025											
1	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa các thôn xã Tân Hợp					390			700			Giám kế hoạch đầu tư công trung hạn của huyện, đã được thực hiện từ nguồn vốn của Chương trình MTQG
2	Sửa chữa Trạm Y tế TT Khe Sanh					2.000		2.000				Giám kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021 - 2025, công trình đã được UBND tỉnh đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương
3	Nhà Hiên bộ trường THCS Tân Long					2.500		2.250	250			Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
4	Hội trường UBND và nhà làm việc 1 thôn - TT Khe Sanh					5.000			2.000		3.000	Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
5	Nâng cấp nhà hiên bộ trường MN Tân Hợp					1.200			500		700	Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
6	Nhà làm việc UBND xã Tân Hợp					10.000			4.500		5.500	Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
7	Xây dựng phòng thu viện trường TH - THCS Tân Hợp					1.000			1.000			Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
8	Xây dựng mới 02 phòng học điểm trường MN Tân Hợp					800			800			Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
9	Xây dựng hệ thống tưới rơm trường TH-THCS Tân Hợp; điểm trường Lương Lễ, Tân Xuân xã Tân Hợp					800			800			Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
10	Xây mới 02 phòng học trường MN Tân Liên					1.200			500		700	Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
11	Phòng đa chức năng trường TH, THCS xã Tân Liên					1.200			500		700	Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
12	Sân trường TH Tân Long					100			700			Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
13	Sân trường THCS Tân Long					100			500			Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
14	Sửa chữa UBND xã Tân Long					2.000			2.000			Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030

TT	Nội dung công trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Các công trình giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch đầu tư trong hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt tại Nghị quyết số 56/NQ-HĐND							Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó		Tổng mức đầu tư	Chia theo nguồn vốn						
				Kế hoạch thực hiện đến hết năm 2020	Chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		NSTW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Nguồn KP khác		
15	Nâng cấp, sửa chữa Chợ Hướng Phùng					3.000			3.000				Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
16	Nhà vệ sinh trường THPT/THCS Hướng Việt					500			500				Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
17	Xây mới sân rổ bóng chuyền Hồ Sơ xã Húc					500			500				Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
18	Trường TH Húc: Hàng rào, sân chơi điểm trường Văn Ri					500			500				Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
19	Trường TH Húc: Hàng rào, sân chơi điểm trường Tả Ràng, Trung tâm, Húc Thượng, Tả Cù					2.000			1.000		1.000		Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
20	Nhà văn hóa Trung tâm xã Húc					2.000					2.000		Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
21	Xây mới 02 phòng học trường MN Húc, điểm trung tâm					1.200			1.200				Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
22	NHÀ VĂN HÓA THỊ TRẤN LẠO BẢO					15.000		15.000					Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
23	Trung tâm văn hóa huyện					45.000		30.000	15.000				Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
24	Trụ sở UBND xã Húc					10.000			10.000				Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
25	Nhà văn hóa thị trấn Khe Sanh					4.000		2.000	2.000				Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
26	Xây dựng và cải tạo nhà bia di tích lịch sử cấp tỉnh					300			300				Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
27	Phục dựng lăng mộ tại khu di tích lịch sử Đồn đồn Hu Rào và đường dẫn lăng mộ					500			500				Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
4	ĐIỀU CHỈNH SƠ					5.900			3.800		1.200		
a	Công trình dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2021 - 2025					800			800				
b	Điền châu sang Đường Nguyễn Thị - TT Khe Sanh												
c	Công trình giám kế hoạch đầu tư công trong hạn giai đoạn 2021 - 2025												
1	Điền châu sang Đường Đào Duy Từ - TT Khe Sanh					1.000			1.000				Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đối nguồn chính trung đô thị ngân sách tỉnh hỗ trợ
2	Điền châu sang Đường Phan Đình Phùng - TT Khe Sanh					800			800				Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đối nguồn chính trung đô thị ngân sách tỉnh hỗ trợ
3	Điền châu sang Đường Hồ Huy Tập - TT Khe Sanh					900			400		400		Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đối nguồn chính trung đô thị ngân sách tỉnh hỗ trợ
4	Điền châu sang Đường Phạm Ngũ Lão - TT Khe Sanh					800			400		400		Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đối nguồn chính trung đô thị ngân sách tỉnh hỗ trợ
5	Điền châu sang Đường Nguyễn Văn Xuân - TT Khe Sanh					800			400		400		Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đối nguồn chính trung đô thị ngân sách tỉnh hỗ trợ
e	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất					28.000			13.000		15.000		Cần đối nguồn vốn thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025, điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư
7	Khu dân cư Công ty CP Tân Hưng (Quy hoạch chi tiết, hoàn thiện kế cấu hạ tầng và giải phóng mặt bằng, cần nước phân bổ)					1.500			1.500				

TT	Danh mục công trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Các công trình giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt tại Nghị quyết số 58/NQ-HBND							Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng mức đầu tư	Chia theo nguồn vốn					
				Kế hoạch thực hiện đến hết năm 2020	Chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		NSTW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Nguồn KP khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
2	Khu dân sinh đường Hùng Vương nội ô thị trấn Khe Sanh (Quy hoạch chi tiết, hoàn thiện kết cấu hạ tầng và giải phóng mặt bằng, cấp nước phân lô)					10.000			4.000		6.000	
3	Khu dân sinh đường Đào Duy Từ (Quy hoạch chi tiết, hoàn thiện kết cấu hạ tầng và giải phóng mặt bằng, cấp nước phân lô)					4.000			1.000		3.000	
4	Khu dân của Ban Định canh, định cư giao lại cho xã Tân Thành (Quy hoạch chi tiết, hoàn thiện kết cấu hạ tầng và giải phóng mặt bằng, cấp nước phân lô)					2.500			2.500			
5	Khu dân Ban QL, công phòng hồ Hương Hóa, Đakrông quản lý trên trục đường Hùng Vương nằm dọc đường ra lò gạch cũ (Quy hoạch chi tiết, hoàn thiện kết cấu hạ tầng và giải phóng mặt bằng, cấp nước phân lô)					3.000			2.000		3.000	
6	Khu dân tại thôn Tây 9 trên đường ra biển sọc và phía bắc đường Lê Hồng Phong (Quy hoạch chi tiết, hoàn thiện kết cấu hạ tầng và giải phóng mặt bằng, cấp nước phân lô)					5.000			2.000		3.000	
8	Hệ thống Y tế					6.300		6.300				Giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, đã xuất đầu tư từ nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh do ngân sách tỉnh quản lý
1	Hương phòng, Hương viết, hương sơn, Hương Tân					1.000		1.000				
2	Lao Bán, Tân Lập, Khe Sanh					900		900				
3	Ba Tầng, Thanh, Thuận					900		900				
4	Xy Lĩa, Hóc, Hương Lành, Hương Lập, Hương Lẻ, A Dơi					3.500		3.500				
5	Sự nghiệp giáo dục					623.811	282.204	47.873	175.804		27.930	
1	Khởi Mầm non					76.477	38.154	14.623	19.837		3.853	
1.1	Trường Mầm non A Dơi					4.600	2.300	1.350	720		230	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em					3.000	1.500	1.350			150	
	Phòng GD thể chất, phòng GD nghệ thuật					800	400		360		40	
	Phòng tin học					800	400		360		40	
1.2	Trường Mầm non A Túc					4.894	3.429	2.400	720		345	Giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn của huyện, công trình đã được đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách huyện đối ứng
	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em					5.294	2.629	2.400			265	
	Phòng GD thể chất, phòng GD nghệ thuật					800	400		360		40	
	Phòng tin học					800	400		360		40	
1.3	Trường Mầm non A Xing					6.600	3.400	2.400	720		80	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em					5.000	2.600	2.400			40	
	Phòng GD thể chất, phòng GD nghệ thuật					900	400		360		40	
	Phòng tin học					800	400		360		40	
1.4	Trường Mầm non Ba Tầng					2.400	1.200		1.000		120	Công trình đã được đầu tư từ nguồn số chức phí chính phủ, ngân sách huyện đối ứng. Xây dựng 01 phòng học điểm lẻ thôn Trùm trường Mầm non Ba Tầng. Các hạng mục còn lại cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em					800	400		360		40	
	Phòng GD thể chất, phòng GD nghệ thuật					800	400		360		40	
	Phòng tin học					800	400		360		40	
1.5	Trường Mầm non Hác					2.300	1.150		1.005		115	Công trình khởi công cuối năm 2023. Trường Mầm non Hác; Hạng mục: 08 phòng học điểm trường trung tâm.
	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em					1.300	750		675		75	
	Phòng GD thể chất, phòng GD nghệ thuật					800	400		360		40	
1.6	Trường Mầm non Hương Lập					2.400	1.200		1.000		120	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Phòng GD thể chất, phòng GD nghệ thuật					800	400		360		40	
	Phòng tin học					1.600	800		710		80	

TT	Danh mục công trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Các công trình giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt tại Nghị quyết số 59/NQ-HĐND		Chia theo nguồn vốn					Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng mức đầu tư	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Nguồn KP khác	
				Kế hoạch thực hiện đến hết năm 2020	Chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1.7	Trường Mầm non Hương Linh					3.800	1.900		1.714		190	- Đã thực hiện công trình: Xây dựng 02 phòng học điểm từ thôn Mệt - Pa Công, trường Mầm non Hương Linh; trường Mầm non Hương Linh, điểm trường Mệt Cũ - Khởi công mới đầu tư công trình năm 2024: Trường Mầm non Hương Linh; Hàng mục: 02 phòng học - Các hạng mục còn lại cần đầu tư vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em					1.000	1.500		1.350		150	
	Phòng GD thể chất, phòng GD nghệ thuật					800	400		360		40	
1.8	Trường Mầm non Hương Lộc					5.350	2.675	1.688	720		268	Tổ chức PeaceTrees tái tạo rừng sinh: Xây dựng 02 phòng học tại điểm trường mẫu giáo thôn Ca Ty - Mầm non Hương Lộc Các hạng mục còn lại cần đầu tư vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em					3.750	1.875	1.688			188	
	Phòng GD thể chất, phòng GD nghệ thuật					800	400		160		40	
	Phòng tin học					800	400		160		40	
1.9	Trường Mầm non Hương Phông					2.800	1.900	1.358	360		190	Giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn của huyện, công trình nằm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh, ngân sách huyện đối ứng
	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em					3.000	1.500	1.358			150	
	Phòng GD thể chất, phòng GD nghệ thuật					800	400		160		40	
1.10	Trường Mầm non Hương Sơn					2.350	1.175		1.095		80	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đầu tư vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em					750	375		375		40	
	Phòng GD thể chất, phòng GD nghệ thuật					800	400		360		40	
	Phòng tin học					800	400		360		40	
1.11	Trường Mầm non Hương Tân					2.300	1.150		1.035		115	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đầu tư vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em					1.500	750		675		75	
	Phòng GD thể chất, phòng GD nghệ thuật					800	400		360		40	
1.12	Trường Mầm non Hương Việt					2.300	1.150		1.035		115	Công trình khởi công mới năm 2024: Trường Mầm non Hương Việt; Hàng mục: 02 phòng học
	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em					1.500	750		675		75	
	Phòng tin học					800	400		360		40	
1.13	Trường Mầm non Khe Bành					2.863	1.875	1.688			300	Công trình đã hoàn thành
	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em					3.863	1.875	1.688			300	
1.14	Trường Mầm non Lao Bìn					888	488		360		48	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đầu tư vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Phòng GD thể chất, phòng GD nghệ thuật					888	400		160		48	
1.15	Trường Mầm non Tân Hợp					4.926	2.358	1.398	728		375	Công trình đã hoàn thành
	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em					3.326	1.558	1.398			375	
	Phòng GD thể chất, phòng GD nghệ thuật					800	400		160		40	
	Phòng tin học					800	400		360		40	
1.16	Trường Mầm non Tân Lập					3.100	1.580		675	720	150	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đầu tư vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em					1.500	750		675		75	
	Phòng GD thể chất, phòng GD nghệ thuật					800	400		160		40	
	Phòng tin học					800	400		360		40	
1.17	Trường Mầm non Tân Liên					2.304	1.150		1.035		115	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đầu tư vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em					1.500	750		675		75	
	Phòng tin học					800	400		360		40	

YT	Danh mục công trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Các công trình giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch đầu tư trong hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt tại Nghị quyết số 59/NQ-HĐND		Chia theo nguồn vốn					Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng mức đầu tư	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Nguồn KP khác	
				Kế hoạch thực hiện đến hết năm 2020	Chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1.18	Trường Mầm non Yên Lương					1.550	775		698		77	Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em					750	375		338		37	
	Phòng tin học					800	400		360		40	
1.19	Trường Mầm non Tân Thành					2.350	1.175		1.658		117	Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em					750	375		338		37	
	Phòng GD thể chất, phòng GD nghệ thuật					800	400		360		40	
	Phòng tin học					800	400		360		40	
1.20	Trường Mầm non Thanh					6.150	3.075	1.588	1.000		308	Tổ chức PeaceTree tài trợ công trình: Xây dựng 02 phòng học Trường Mầm non trung tâm Thanh tại thôn A Hạ, xã Thanh, huyện Hương Hóa, tỉnh Quảng Trị Các hạng mục còn lại cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em					3.750	1.875	1.588			188	
	Phòng GD thể chất, phòng GD nghệ thuật					1.600	800		720		80	
	Phòng tin học					800	400		360		40	
1.21	Trường Mầm non Thuận					3.150	1.575		1.418		157	Công trình đã thực hiện đầu tư: Trường Mầm non Thuận; Hạng mục: Nhà 02 tầng gồm 01 phòng đa chức năng, 01 phòng học và 01 phòng làm việc. Các hạng mục còn lại cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em					750	375		338		37	
	Phòng GD thể chất, phòng GD nghệ thuật					1.600	800		720		80	
	Phòng tin học					800	400		360		40	
1.22	Trường Mầm non Vĩnh Khuyết					2.400	1.200		1.090		120	Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Phòng GD thể chất, phòng GD nghệ thuật					1.600	800		720		80	
	Phòng tin học					800	400		360		40	
1.23	Trường Mầm non Xy					800	400		360		40	Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Phòng tin học					800	400		360		40	
2	Khởi Tiểu học					126.418	63.209	26.645	26.285		4.359	
2.1	Trường Tiểu học Bắc					14.700	7.350	4.365	2.250		735	Giám kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Phòng học					7.700	3.850	3.465			385	
	Thư viện					800	400		360		40	
	Phòng thiết bị giáo dục					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Tin học					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					700	350		315		35	
	Phòng đa chức năng					2.000	1.000		900		100	
2.2	Trường Tiểu học Hương Phụng					12.500	6.250	4.650	1.575		625	Công trình đang thực hiện: Trường Tiểu học Hương Phụng; hạng mục: 04 phòng học tại điểm chính và 02 phòng học tại thôn Chết Vĩnh. Các hạng mục còn lại cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Phòng học					7.000	3.500	3.150			350	
	Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Tin học					700	350		315		35	

TT	Danh mục công trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Các công trình giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch đầu tư trong hạn giải ngân 2021 - 2025 đã phê duyệt tại Nghị quyết số 59/NQ-HĐND		Chia theo nguồn vốn					Ghi chú	
			Tổng số	Trung đề		Tổng mức đầu tư	NSTW	NS địa	NS huyện	NS xã	Nguồn KP khác		
				Kế hoạch thực hiện đến hết năm 2019	Chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					700	350			350		35	
	Phòng đa chức năng					2.000	1.000			900		100	
2.3	Trường Tiểu học Hoàng Tân					16.200	8.100	4.725	2.585			810	Công trình đang thực hiện. Trường Tiểu học Hoàng Tân, hạng mục: 08 phòng học. Các hạng mục còn lại cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Thư viện					1.600	800			710		80	
	Phòng thiết bị giáo dục					2.100	1.050			945		105	
	Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ					2.100	1.050			945		105	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					2.100	1.050			945		105	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					2.100	1.050			945		105	
	Phòng học bộ môn Tin học					2.100	1.050			945		105	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					2.000	1.000			900		100	
	Phòng đa chức năng												
2.4	Trường Tiểu học Số 1 Lao Bảo					9.200	4.600			4.140		460	Công trình khởi công năm 2024. Trường Tiểu học số 1 Lao Bảo; Hạng mục: 04 phòng học. Các hạng mục còn lại cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công trong hạn giải ngân 2026 - 2030
	Phòng học					1.400	700			630		70	
	Thư viện					1.600	800			730		80	
	Phòng thiết bị giáo dục					700	350			315		35	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					700	350			315		35	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					700	350			315		35	
	Phòng học bộ môn Tin học					1.400	700			630		70	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					2.000	1.000			900		100	
	Phòng đa chức năng												
2.5	Trường Tiểu học Số 2 Lao Bảo					7.600	3.800	1.530	1.890			390	Công trình đang thực hiện. Trường Tiểu học số 2 Lao Bảo; Hạng mục: Nhà đa năng. Các hạng mục còn lại cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Phòng học					1.400	700			630		70	
	Phòng thiết bị giáo dục					700	350			315		35	
	Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ					700	350			315		35	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					700	350			315		35	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					700	350			315		35	
	Phòng học bộ môn Tin học					700	350			315		35	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					2.000	1.000			900		100	
	Phòng đa chức năng												
2.6	Trường Tiểu học số 1 Khe Sanh					7.600	3.800		630	2.790		380	Công trình đã thực hiện. Trường Tiểu học số 1 Khe Sanh; Hạng mục: Nhà đa năng 06 phòng học. Các hạng mục còn lại cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Phòng học					1.400	700			630		70	
	Phòng thiết bị giáo dục					700	350			315		35	
	Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ					700	350			315		35	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					700	350			315		35	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					700	350			315		35	
	Phòng học bộ môn Tin học					700	350			315		35	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					2.000	1.000			900		100	
	Phòng đa chức năng												
2.7	Trường Tiểu học số 2 Khe Sanh					4.300	2.150		990	1.260		240	Giữ kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Phòng học					1.400	700			630		70	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					700	350			315		35	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					700	350			315		35	
	Phòng đa chức năng					2.500	1.250			900		100	

TT	Đanh mục công trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Các công trình giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch đầu tư trong hạn giải đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt tại Nghị quyết số 59/NQ-HĐND		Chia theo nguồn vốn					Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng mức đầu tư	NSTW	NS Giáo	NS huyện	NS xã	Nguồn KP khác	
				Kế hoạch thực hiện đến hết năm 2021	Chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
2.8	Trường Tiểu học Tân Lập					7.700	3.850	630	2.835		385	Công trình đang thực hiện: Trường Tiểu học Tân Lập, hạng mục: 04 phòng học tại bản Láng Vây. Các hạng mục còn lại cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Phòng học					1.400	700	630			70	
	Thư viện					800	400		360		40	
	Phòng thiết bị giáo dục					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Tin học					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					700	350		315		35	
	Phòng đa chức năng					2.000	1.000		900		100	
2.9	Trường Tiểu học Tân Long					5.600	2.800		2.520		280	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Thư viện					800	400		360		40	
	Phòng thiết bị giáo dục					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Tin học					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					700	350		315		35	
	Phòng đa chức năng					2.000	1.000		900		100	
3.10	Trường Tiểu học Thanh					15.500	9.750	5.985	2.790		975	Công trình được đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách huyện để ông: Trường Tiểu học Thanh; hạng mục: 03 phòng học điểm trường Phòng. Các hạng mục còn lại cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Phòng học					12.200	6.650	5.985			665	
	Phòng thiết bị giáo dục					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Tin học					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					700	350		315		35	
	Phòng đa chức năng					2.000	1.000		900		100	
3.11	Trường Tiểu học Thuận					21.014	10.500	3.790	5.670		1.050	Công trình khởi công một năm 2024: Trường Tiểu học Thuận; Hạng mục: 06 phòng học. Các hạng mục còn lại cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Phòng học					8.410	4.200	3.790			420	
	Thư viện					800	400		360		40	
	Phòng thiết bị giáo dục					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ					2.100	1.050		945		105	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					2.100	1.050		945		105	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Tin học					2.100	1.050		945		105	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					2.100	1.050		945		105	
	Phòng đa chức năng					2.000	1.000		900		100	
3	Khối Trường học cơ sở					97.900	48.820	3.645	40.050		5.275	
3.1	Trường PTDTBT THCS Bắc					16.100	7.930	1.845	5.040		1.285	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Phòng học					3.100	1.050		945		105	
	Thư viện					1.600	800		400		360	
	Phòng thiết bị giáo dục					3.200	1.600		1.450		360	
	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên					2.400	1.200		1.080		120	
	Phòng học bộ môn Công nghệ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Tin học					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					800	400		360		40	

TT	Danh mục công trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu trình giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt tại Nghị quyết số 59/NQ-HĐND							Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng mức đầu tư	Chia theo nguồn vốn					
				Kế hoạch thực hiện đến hết năm 2020	Chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		NSTW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Nguồn KP khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội					900	400		360		40	
	Phòng đa chức năng					2.000	1.000	900			100	
3.1	Trường PIDTBT THCS Hoàng Phông					13.200	6.690	900	5.840		660	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Trường					800	400		360		40	
	Thư viện					3.200	1.600		1.440		160	
	Phòng thiết bị giáo dục					1.600	800		720		80	
	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Công nghệ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Tin học					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội					1.600	800		720		80	
	Phòng đa chức năng					2.000	1.000	900			100	
3.3	Trường THCS Hoàng Tân					3.600	4.300	900	3.420		430	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Trường học					2.800	1.400		1.260		140	
	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Công nghệ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Tin học					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội					2.000	1.000	900			100	
	Phòng đa chức năng											
3.4	Trường THCS Khe Sanh					7.500	3.750		3.375		375	Công trình đang thực hiện: Trường THCS Khe Sanh, hạng mục: Nhà đa năng. Các hạng mục còn lại cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030.
	Trường học					700	350		315		35	
	Thư viện					800	400		360		40	
	Phòng thiết bị giáo dục					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên											
	Phòng học bộ môn Công nghệ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Tin học					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội					2.000	1.000	900			100	
	Phòng đa chức năng											
3.5	Trường THCS Lao Bảo					5.800	2.900		2.610		290	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Trường học					1.400	700		630		70	
	Phòng thiết bị giáo dục					1.600	800		720		80	
	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội					800	400		360		40	
	Phòng đa chức năng					2.000	1.000	900			100	
3.6	Trường THCS Thạch					15.000	7.500		6.750		750	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
	Trường học					4.200	2.100		1.890		210	
	Phòng học					800	400		360		40	
	Thư viện					800	400		360		40	
	Phòng thiết bị giáo dục					1.600	800		720		80	
	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Công nghệ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Tin học					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					800	400		360		40	

TT	Đanh mục công trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Các công trình giai đoạn 2014-2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt tại Nghị quyết số 59/NQ-HBND					Ghi chú		
			Tổng số	Trung độ		Tổng mức đầu tư	Chiều theo nguồn vốn					
				Kế hoạch thực hiện đầu tư năm 2020	Chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NS xã	Nguồn KP khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
						700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Tin học					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					2.000	1.000		900		100	
	Phòng đa chức năng					13.499	6.094		4.648		479	
b	Trung học cơ sở					4.230	3.494		500		210	
	Phòng học					800	400		360		40	
	Thư viện					800	400		360		40	
	Phòng thiết bị giáo dục					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Công nghệ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Tin học					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội					2.000	1.000		900		100	
	Phòng đa chức năng											
4.3	Trường Tiểu học và THCS A Tân					14.708	8.358		7.615		838	
						5.586	3.758		2.475		275	
a	Tiểu học					700	350		315		35	
	Phòng thiết bị giáo dục					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					2.000	1.000		900		100	
	Phòng đa chức năng					11.208	5.600		5.040		560	
b	Trung học cơ sở					2.800	1.400		1.260		140	
	Phòng học					800	400		360		40	
	Thư viện					800	400		360		40	
	Phòng thiết bị giáo dục					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Công nghệ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội					2.000	1.000		900		100	
	Phòng đa chức năng											
4.3	Trường Tiểu học và THCS A Xing					18.100	10.050	400	6.745		905	
						10.500	6.250		3.725		525	
a	Tiểu học					3.500	2.250		575		175	
	Phòng học					800	400		360		40	
	Thư viện					700	350		315		35	
	Phòng thiết bị giáo dục					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Tin học					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					2.000	1.000		900		100	
	Phòng đa chức năng					7.699	3.899	400	3.020		385	
b	Trung học cơ sở					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Công nghệ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Tin học					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội					800	400		360		40	

Diện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn vốn đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030

Diện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn vốn đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030

TT	Đanh mục công trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Các công trình giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch đầu tư trong hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt tại Nghị quyết số 59/2020-NQ-HĐND							Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng mức đầu tư	Chiều theo nguồn vốn					
				Kế hoạch thực hiện đến hết năm 2020	Chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		NSTW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Nguồn KP khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
	Phòng đa chức năng					2.000	1.000	400	500		100	
4.4	Trường Tiểu học và THCS Ba Tầng					26.700	16.150		9.215		1.335	Công trình khởi công mới năm 2024; Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Ba Tầng; Hàng năm: 04 phòng học Công trình đang thực hiện từ nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách huyện Đề nghị: Trường PTDTBT ban trả THPT/THCS Ba Tầng; Hàng năm: Nhà học bộ môn và chức năng; Các hạng mục còn lại cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2024 - 2030
a	Tiểu học					14.000	9.000		4.300		700	
	Phòng học					7.000	5.500		1.150		150	
	Thư viện					800	400		300		40	
	Phòng thiết bị giáo dục					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Tin học					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					700	350		315		35	
	Phòng đa chức năng					2.000	1.000		900		100	
	Trung học cơ sở					12.700	7.150		4.915		635	
	Phòng học					3.500	2.500		775		175	
	Thư viện					800	400		350		40	
	Phòng thiết bị giáo dục					800	400		350		40	
	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên					800	400		350		40	
	Phòng học bộ môn Công nghệ					800	400		350		40	
	Phòng học bộ môn Tin học					800	400		350		40	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					800	400		350		40	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					800	400		350		40	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					800	400		350		40	
	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội					800	400		350		40	
	Phòng đa chức năng					2.000	1.000		500		100	
4.5	Trường Tiểu học và THCS Hưng Lĩnh					16.000	8.170	700	6.570		1.360	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
a	Tiểu học					6.200	3.100		2.790		310	
	Phòng thiết bị giáo dục					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Tin học					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					700	350		315		35	
	Phòng đa chức năng					2.000	1.000		900		100	
	Trung học cơ sở					10.600	5.070	700	3.780		1.050	
	Phòng học					2.200	870	700			530	
	Phòng thiết bị giáo dục					800	400		350		40	
	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên					800	400		350		40	
	Phòng học bộ môn Công nghệ					800	400		350		40	
	Phòng học bộ môn Tin học					800	400		350		40	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					800	400		350		40	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					800	400		350		40	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					800	400		350		40	
	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội					800	400		350		40	
	Phòng đa chức năng					2.000	1.000		500		100	
4.6	Trường Tiểu học và THCS Hưng Việt					13.400	8.500		4.140		670	Công trình đã thực hiện; Trường Tiểu học và THCS Hưng Việt; Hàng năm: phòng học bộ môn; Các hạng mục còn lại cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
a	Trung học cơ sở					13.400	8.500		4.140		670	
	Phòng học					4.200	3.990				210	
	Phòng thiết bị giáo dục					1.600	800		720		80	

TT	Đanh mục công trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Các công trình giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt tại Nghị quyết số 59/NQ-HĐND		Chiều theo nguồn vốn					Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng mức đầu tư	NSTW	NS chính	NS huyện	NS xã	Nguồn KP khác	
				Kế hoạch thực hiện đầu hết năm 2020	Chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Công nghệ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Tin học					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội					800	400		360		40	
	Phòng đa chức năng					2.000	1.000		900		100	
4.7	Trường Tiểu học và THCS Tân Hợp					17.600	8.800		7.920		880	
a	Tiểu học					7.800	3.900		3.510		290	
	Phòng học					3.500	1.750		1.575		175	
	Thư viện					800	400		360		40	
	Phòng thiết bị giáo dục					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					700	350		315		35	
b	Trung học cơ sở					9.800	4.900		4.410		490	
	Phòng học					1.400	700		630		70	
	Thư viện					800	400		360		40	
	Phòng thiết bị giáo dục					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Công nghệ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội					800	400		360		40	
	Phòng đa chức năng					2.000	1.000		900		100	
4.8	Trường Tiểu học và THCS Tân Liên					13.800	6.900		6.210		690	
a	Tiểu học					6.200	3.100		2.790		280	
	Phòng học					2.100	1.050		945		105	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					700	350		315		35	
	Phòng đa chức năng					3.000	1.500		1.365		165	
b	Trung học cơ sở					7.600	3.800		3.420		380	
	Thư viện					800	400		360		40	
	Phòng thiết bị giáo dục					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Công nghệ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội					800	400		360		40	
	Phòng đa chức năng					2.000	1.000		900		100	
4.9	Trường Tiểu học và THCS Tân Thành					9.200	4.600		4.140		460	
a	Tiểu học					4.100	2.050		1.845		205	
	Phòng học					700	350		315		35	

Công trình đang thực hiện: Trường TH&THCS Tân Hợp; Hàng mục 08 phòng học và các hạng mục phụ trợ. Các hạng mục còn lại cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030.

Công trình nằm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh, ngân sách huyện đối ứng: Trường Tiểu học và THCS Tân Liên; Hàng mục: 02 phòng học điểm trường Chông. Công trình khởi công mới năm 2025: Trường Tiểu học và THCS Tân Liên; Hàng mục: 04 phòng học. Các hạng mục còn lại cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030.

Công trình đã thực hiện: Trường Tiểu học và THCS Tân Thành; Hàng mục: Phòng đa năng. Các hạng mục còn lại cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030.

TT	Danh mục công trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Các công trình giai đoạn 2014-2020		Kế hoạch đầu tư trong hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt tại Nghị quyết số 50/NQ-ĐNND							Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng mức đầu tư	Chia theo nguồn vốn					
				Kế hoạch thực hiện đến hết năm 2020	Chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		NSTW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Nguồn KP khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
						700	390		315		35	
	Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ					700	390		315		35	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					2.000	1.000		900		100	
	Phòng đa chức năng					8.100	2.950		2.355		205	
h	Trung học cơ sở					700	350		315		35	
	Phòng học					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội					2.000	1.000		900		100	
	Phòng đa chức năng											
4.10	Trường Tiểu học và THCS Xy					21.800	11.900		8.810		1.090	
						9.800	5.900		3.610		490	
a	Tiểu học					2.800	2.400		260		140	
	Phòng học					800	400		360		40	
	Thư viện					700	350		315		35	
	Phòng thiết bị giáo dục					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Tin học					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					2.000	1.000		900		100	
	Phòng đa chức năng					12.000	6.000		5.400		600	
b	Trung học cơ sở					2.800	1.400		1.260		140	
	Phòng học					800	400		360		40	
	Thư viện					800	400		360		40	
	Phòng thiết bị giáo dục					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Công nghệ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Tin học					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội					2.000	1.000		900		100	
	Phòng đa chức năng											
4.11	Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Hương Lập					29.200	13.260		5.930		1.010	
						11.800	7.400		3.050		550	
a	Tiểu học					2.800	2.400		260		140	
	Phòng học					700	350		315		35	
	Phòng thiết bị giáo dục					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Tin học					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					4.000	2.000		900		200	
	Phòng đa chức năng					5.200	2.600		2.800		400	
b	Trung học cơ sở					800	360		360		40	
	Thư viện					800	400		360		40	
	Phòng thiết bị giáo dục					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Công nghệ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Tin học					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội					2.000	1.000		900		100	
	Phòng đa chức năng											

Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030

Công trình đang được đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách huyện do Ông: Trường PTDTBT bán trú THPTCS Hương Lập, Hương mục: Nhà học bộ môn và chức năng. Các hạng mục còn lại cân đối nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030

TT	Danh mục công trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Các công trình giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch đầu tư trong hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt tại Nghị quyết số 59/NQ-IBND					Ghi chú		
			Tổng số	Trong đó		Tổng mức đầu tư	Chia theo nguồn vốn					
				Kế hoạch thực hiện đến hết năm 2020	Chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		NSTW	NS địa phương	NS huyện		NS xã	Nguồn KP khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
4.12	Trường PTDĐT Tiểu học và THCS Hương Lộc					20.800	13.120		6.640		1.040	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
a	Tiểu học					10.400	7.200		2.600		520	
	Phòng học					4.900	4.450		205		245	
	Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Tin học					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					2.000	1.000		900		100	
	Phòng đa chức năng					10.400	5.920		3.960		520	
b	Trung học cơ sở					2.800	1.400		1.250		140	
	Phòng học					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Công nghệ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Tin học					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội					2.000	1.000		900		100	
	Phòng đa chức năng											
4.13	Trường PTDĐT Tiểu học và THCS Hương Sơn					14.124	8.848		4.205		919	Công trình nằm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh, nghị sách huyện đối ứng. Trường PTDĐT Tiểu học và THCS Hương Sơn, hạng mục: 02 phòng học. Còn hạng mục còn lại cần đổi nguồn lực đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030
a	Tiểu học					7.524	4.798		2.565		689	
	Phòng học					3.724	3.750		1.575		399	
	Thư viện					800	400		360		40	
	Phòng đa chức năng					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Tin học					700	350		315		35	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					2.000	1.000				100	
	Phòng đa chức năng					6.200	4.099		1.800		319	
b	Trung học cơ sở					1.400	1.330				70	
	Phòng học					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Công nghệ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật					800	400		360		40	
	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội					800	400		360		40	
i	Danh mục các công trình kêu gọi đầu tư					5.000.000			16.000		5.000.000	Giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, tranh thủ nguồn lực xã hội hóa
1	Đường giao thông thôn Phú về xã Hương Lĩnh					30.000			7.000		23.000	
2	Đường giao thông Sĩ Phú - Cù Bai - Tạ Bình					150.000					150.000	
3	Đường giao thông liên xã Hương Tân - Tân Thành					175.000					175.000	
4	Đường giao thông Làng Hồ - Cầu - Trín					175.000					175.000	
5	Đường tránh thị trấn Khê Sơn					1.200.000					1.200.000	
6	Công viên văn hóa và du lịch hồ Khê Sơn					1.200.000					1.200.000	
7	Khu du lịch sinh thái hồ Tân Độ					150.000					150.000	
8	Đường giao thông liên xã Hòa - Bà Tăng					30.000			9.000		21.000	
9	Đường giao thông khối 6 TT Khê Sơn - Tạ Hy II xã Hòa					30.000					30.000	
10	Đường liên thôn Phong Hải xã A Dơi					30.000					30.000	
11	Đường giao thông liên thôn phục vụ dân sinh và sản xuất Cổ Nổi - Phong Lâm - Hương Choa					20.000					20.000	
12	Đường giao thông A Chu di thôn Trung					30.000					30.000	
13	Hạ tầng kỹ thuật các điểm du lịch phía bắc Hương Hòa (Chánh Vĩnh, Sa Mù, Đồng Co Lạn, Thôn Tạ Phường, Đồng Bưởi)					200.000					200.000	
14	Hạ tầng kỹ thuật khu vực hồ Tân Độ					200.000					200.000	
15	Hiện thực các hạng mục công viên văn hóa TT thị trấn Lạc Hóa					80.000					80.000	

TT	Danh mục công trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Các công trình giai đoạn 2014-2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt tại Nghị quyết số 59/NQ-HĐND					Ghi chú		
			Tổng số	Trong đó		Tổng mức đầu tư	Chia theo nguồn vốn					
				Kế hoạch thực hiện đến hết năm 2020	Chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NS xã	Nguồn KP khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
16	Nhà máy cung cấp nước sinh hoạt vùng Lúa					100.000					100.000	
17	Hệ thống cấp thoát nước công viên trung tâm thị trấn Khe Sạch					250.000					250.000	
8	CHƯƠNG TRÌNH MTQG DO XÃ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ					636.626	531.566		16.420		28.640	Các công trình đã được UBND các xã, thị trấn rà soát, ưu tiên để xuất đưa vào kế hoạch thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 (phê duyệt tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 20/8/2022 của HĐND huyện)

Phụ lục 02:
DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 SAU ĐIỀU CHỈNH
 (Kèm theo Báo cáo số: 732 /BC-UBND ngày 30 /11/2023 của UBND huyện)

DVT: Nghìn đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Lấy kế vốn bố trí đến ngày 31/12/2020	Kế hoạch trung hạn 2011-2025	Chia theo phân kỳ đầu tư				Ghi chú
					Tổng số	Trong đó chia ra				Tổng số	Trong đó chia ra			
						NS tỉnh, nguồn khác	NS huyện				Vốn đã bố trí từ năm 2021 - 2023	Năm 2024	Năm 2025	
TỔNG CỘNG					484.790.997	147.605.190	337.185.847	35.958.065	290.000.000	290.000.000	160.399.881	66.997.341	61.602.778	
A	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 CHUYÊN SANG				101.721.501	4.000.000	97.721.501	35.958.065	61.763.436	61.763.436	58.229.070	3.534.366	-	
1	Nâng cấp đường Văn Cao, khối 2, thị trấn Khe Sanh	UBND huyện Hướng Hóa	Thị trấn Khe Sanh	2020 - 2021	360.000		360.000	126.000	234.000	234.000	234.000			Đã hoàn thành
2	Đường giao thông Hải Thượng Lãn Ông giai đoạn 2, thị trấn Lao Bảo	UBND huyện Hướng Hóa	Thị trấn Lao Bảo	2020 - 2021	500.000		500.000	175.000	325.000	325.000	325.000			Đã hoàn thành
3	Nâng cấp mở rộng đường trung tâm xã Tân Liên	UBND huyện Hướng Hóa	Xã Tân Liên	2020 - 2021	5.000.000		5.000.000	4.507.000	493.000	493.000	493.000			Đã hoàn thành
4	Sửa chữa trụ sở phòng Nội vụ và các cơ quan	UBND huyện Hướng Hóa	Thị trấn Khe Sanh	2020 - 2021	500.000		500.000	-	500.000	500.000	500.000			Đã hoàn thành
5	Sửa chữa trụ sở Trung tâm dân số KHHGD cũ	UBND huyện Hướng Hóa	Thị trấn Khe Sanh	2020 - 2021	500.000		500.000	200.000	300.000	300.000	300.000			Đã hoàn thành
6	Sửa chữa trụ sở Thanh tra	UBND huyện Hướng Hóa	Thị trấn Khe Sanh	2020 - 2020	500.000		500.000	200.000	300.000	300.000	300.000			Đã hoàn thành
7	Sửa chữa trụ sở Trung tâm y tế huyện	UBND huyện Hướng Hóa	Thị trấn Khe Sanh	2020 - 2021	500.000		500.000	-	500.000	500.000	500.000			Đã hoàn thành
8	Sửa chữa trụ sở UBND thị trấn Khe Sanh	UBND huyện Hướng Hóa	Thị trấn Khe Sanh	2020 - 2020	500.000		500.000	350.000	150.000	150.000	150.000			Đã hoàn thành
9	Trường Mầm non Hướng Linh - Điểm trường thôn Mới	UBND huyện Hướng Hóa	Xã Hướng Linh	2020 - 2021	800.000		800.000	702.080	97.920	97.920	97.920			Đã hoàn thành
10	Trường Mầm non A Túc - Điểm trường Tầng Cỏ	UBND huyện Hướng Hóa	Xã A Túc	2020 - 2021	800.000		800.000	702.080	97.920	97.920	97.920			Đã hoàn thành
11	Trụ sở làm việc xã A Đơi	UBND huyện Hướng Hóa	Xã A Đơi	2020 - 2022	10.000.000		10.000.000	3.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000			Đang thực hiện
12	Trường Mầm non Tân Hợp	UBND huyện Hướng Hóa	Xã Tân Hợp	2020 - 2021	3.200.000		3.200.000	1.200.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000			Đã hoàn thành
13	Trụ sở làm việc xã Ba Tầng	UBND huyện Hướng Hóa	Xã Ba Tầng	2021 - 2023	11.304.151		11.304.151	400.000	10.904.151	10.904.151	10.904.151			Đang thực hiện
14	Trụ sở UBND xã Hướng Phụng	UBND huyện Hướng Hóa	Xã Hướng Phụng	2022 - 2024	11.757.350		11.757.350	3.500.000	8.257.350	8.257.350	4.722.984	3.534.366		Đang thực hiện
15	Nâng cấp mở rộng chợ Tân Liên	UBND huyện Hướng Hóa	Xã Tân Liên	2020 - 2023	10.000.000	2.000.000	8.000.000	-	8.000.000	8.000.000	8.000.000			Đang thực hiện
16	Đường kết 283 Lê Duẩn nối kết 9 Đình Tiên Hoàng, khối 3B, thị trấn Khe Sanh	UBND thị trấn Khe Sanh	Thị trấn Khe Sanh	2020 - 2021	600.000		600.000	525.905	74.095	74.095	74.095			Đã hoàn thành

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Lấy kế vốn bố trí đến ngày 31/12/2020	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Chia theo phân kỳ đầu tư			Ghi chú	
					Tổng số	Trung đó chia ra				Tổng số	Trung đó chia ra			
						NS tỉnh, nguồn khác	NS huyện				Vốn đã bố trí từ năm 2021 - 2023	Năm 2024		Năm 2025
17	Phòng học một số trường Tiểu học và Trung học cơ sở	UBND huyện Hương Hóa	Xã Lào, Tân Hợp, Thanh, Hướng Phùng, Xy, Húc	2021-2022	14.900.000		14.900.000	7.000.000	7.900.000	7.900.000			Đã hoàn thành	
18	Nhà Hiệu bộ một số trường Tiểu học và Trung học cơ sở	UBND huyện Hương Hóa	Xã Tân Long, Húc, Thanh, thị trấn Khe Sanh	2021-2022	13.000.000		13.000.000	6.000.000	7.000.000	7.000.000			Đã hoàn thành	
19	Trường THCS Tân Liên; Hàng mục: Cải tạo nhà học 10 phòng, nhà học 4 phòng, nhà vệ sinh	UBND huyện Hương Hóa	Xã Tân Liên	2020-2021	1.000.000		1.000.000	802.000	198.000	198.000			Đã hoàn thành	
20	Trường THCS Khe Sanh; Cải tạo nhà 02 tầng và nhà hiệu bộ	UBND huyện Hương Hóa	Thị trấn Khe Sanh	2020-2021	1.000.000		1.000.000	818.000	182.000	182.000			Đã hoàn thành	
21	Trường Mầm non Khe Sanh	UBND huyện Hương Hóa	Thị trấn Khe Sanh	2020-2022	15.000.000	2.000.000	13.000.000	5.250.000	7.750.000	7.750.000	7.750.000			Đã hoàn thành
B	CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025				211.227.886	12.594.838	198.633.048	-	187.405.266	187.405.266	85.049.758	48.918.975	51.436.533	
I	Lĩnh vực an ninh				1.100.000	-	1.100.000	-	1.100.000	1.100.000	600.000	-	500.000	
1	Sửa chữa trụ sở Công an huyện Hướng Hoai; Hàng mục: Sửa chữa nhà 03 tầng	Công an huyện Hướng Hoai	Thị trấn Khe Sanh	2022 - 2023	600.000		600.000		600.000	600.000	600.000			Đã hoàn thành
2	Công, bằng rào tiêu diệt dần quân thường trực thị trấn Lao Bảo	UBND thị trấn Lao Bảo	Thị trấn Lao Bảo	2025	500.000		500.000		500.000	500.000			500.000	
II	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo				74.754.733	-	74.754.733	-	73.495.619	73.495.619	46.554.733	11.820.000	15.124.886	
1	Nhà học bộ môn trường THPTCS Tân Hợp	UBND huyện Hương Hóa	Xã Tân Hợp	2021 - 2022	2.000.000		2.000.000		2.000.000	2.000.000	2.000.000			Đã hoàn thành
2	Trường Tiểu học số 1 Khe Sanh; Hàng mục: Nhà 3 tầng 06 phòng học	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện	Thị trấn Khe Sanh	2022 - 2023	7.000.000		7.000.000		7.000.000	7.000.000	7.000.000			Đã hoàn thành
3	Trường Tiểu học số 2 Lao Bảo; Hàng mục: Nhà đa tầng	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện	Thị trấn Lao Bảo	2022 - 2024	2.000.000		2.000.000		2.000.000	2.000.000	1.600.000	400.000		
4	Trường THCS Khe Sanh; Hàng mục: Nhà đa tầng	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện	Thị trấn Khe Sanh	2022 - 2024	2.000.000		2.000.000		2.000.000	2.000.000	1.500.000	500.000		
5	Trường Tiểu học và THCS A Dơi; Hàng mục: Nhà 02 tầng 06 phòng học diện trường thân Phần Thành	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã A Dơi	2023 - 2024	3.900.000		3.900.000		3.900.000	3.900.000	3.900.000			
6	Trường Tiểu học và THCS Hướng Linh - Diện trường Một Cũ	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Hướng Linh	2023 - 2024	4.912.000		4.912.000		4.912.000	4.912.000	1.965.000	2.947.000		
7	Trường Mầm non Hướng Linh - Diện trường Một Cũ	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Hướng Linh	2023 - 2024	3.171.000		3.171.000		3.171.000	3.171.000	1.268.000	1.903.000		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyệt		Lấy kế vốn bố trí đến ngày 31/12/2020	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Chia theo phân kỳ đầu tư			Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó chia ra			Tổng số	Trong đó chia ra			
						NS tỉnh, nguồn khác				NS huyện	Vốn đã bố trí từ năm 2021 - 2023		Năm 2024
8	Trường THPT&THCS Tân Hợp; Hàng mục: 03 phòng học và các hạng mục phụ trợ	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Tân Hợp	2023	6.000.000		6.000.000	6.000.000	6.000.000				
9	Trường Tiểu học Tân Lập; Hàng mục: 04 phòng học tại bản Lãng Vây	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Tân Lập	2023 - 2024	2.800.000		2.800.000	2.800.000	2.800.000				
10	Trường Tiểu học Hướng Phong; Hàng mục: 04 phòng học tại điểm chính và 02 phòng học tại thôn Chính Vĩnh	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Hướng Phong	2023 - 2024	4.200.000		4.200.000	4.200.000	4.200.000				
11	Trường Mầm non Thuận; Hàng mục: Nhà 02 tầng gồm 01 phòng đa chức năng, 01 phòng học và 01 phòng làm việc	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Thuận	2023 - 2024	3.000.000		3.000.000	3.000.000	3.000.000				
12	Trường Mầm non Khe Sanh; Hàng mục: Các hạng mục phụ trợ	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Thị trấn Khe Sanh	2023 - 2024	3.000.000		3.000.000	3.000.000	3.000.000				
13	Trường THCS Thuận; Hàng mục: 04 phòng học	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Thuận	2023 - 2024	2.400.000		2.400.000	2.400.000	2.400.000				
14	Trường Tiểu học Hướng Tân; Hàng mục: 08 phòng học	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Hướng Tân	2023 - 2024	4.800.000		4.800.000	4.800.000	4.800.000				
15	Trường Tiểu học số 2 Khe Sanh; Hàng mục: Xây mới nhân bản tú, cải tạo sân chơi và xây dựng nhà để xe cho học sinh	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Thị trấn Khe Sanh	2023	1.121.733		1.121.733	1.121.733	1.121.733				
16	Trường Mầm non Hướng Việt; Hàng mục: 02 phòng học	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Hướng Việt	2024 - 2025	1.650.000		1.650.000	1.650.000	-	300.000	950.000		
17	Trường Tiểu học Thuận; Hàng mục: 04 phòng học và 01 phòng truyền thống	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Thuận	2024 - 2025	4.200.000		4.200.000	4.200.000	-	2.000.000	2.200.000		
18	Trường PĐTBT Tiểu học và THCS Ba Tầng; Hàng mục: 04 phòng học	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Ba Tầng	2024 - 2025	3.000.000		3.000.000	3.000.000	-	800.000	2.200.000		
19	Trường Mầm non Hướng Linh; Hàng mục: 02 phòng học	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Hướng Linh	2024 - 2025	1.600.000		1.600.000	1.600.000	-	1.400.000	200.000		
20	Trường Tiểu học Số 1 Lao Bảo; Hàng mục: 04 phòng học	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Thị trấn Lao Bảo	2024 - 2025	2.600.000		2.600.000	2.600.000	-	1.170.000	1.430.000		

TT	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Lấy kế vốn bố trí đến ngày 31/12/2020	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Chia theo phân kỳ đầu tư			Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó chia ra				Tổng số	Trong đó chia ra			
						NS tỉnh, nguồn khác	NS huyện				Vốn đã bố trí từ năm 2021 - 2023	Năm 2024		Năm 2025
21	Trường Tiểu học và THCS Tân Liên; Hàng mục: 03 phòng học	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Tân Liên	2025	1.800.000		1.800.000	1.800.000	1.800.000	-		1.800.000		
22	Trường THCS Tân Lập; Hàng mục: 03 phòng học và phòng bộ môn	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Tân Lập	2025	2.000.000		2.000.000	2.000.000	2.000.000	-		2.000.000		
23	Trường Mầm non Húc; Hàng mục: 08 phòng học điển trường trung tâm	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Húc	2025 - 2026	5.600.000		5.600.000	4.340.886	4.340.886	-		4.340.886		
III	Lĩnh vực giao thông				61.435.047	9.000.000	52.435.047	-	52.435.047	52.435.047	22.844.366	17.675.681	16.915.000	
1	Sửa chữa nâng cấp đường giao thông thôn Tân Hào, xã Tân Liên	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện	Xã Tân Liên	2022 - 2022	1.000.000	-	1.000.000		1.000.000	1.000.000				Đã hoàn thành
2	Sửa chữa nâng cấp đường giao thông thôn Tân Sơn, xã Tân Lập	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện	Xã Tân Lập	2022 - 2022	1.000.000	-	1.000.000		1.000.000	1.000.000				Đã hoàn thành
3	Sửa chữa, nâng cấp đường vào trường Mầm non và Tiểu học xã Tân Long	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện	Xã Tân Long	2022 - 2023	1.000.000	-	1.000.000		1.000.000	1.000.000				Đã hoàn thành
4	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hoá	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện	Thị trấn Khe Sanh	2022 - 2024	15.400.047	9.000.000	6.400.047		6.400.047	6.400.047	5.134.366	1.265.681		
5	Via hệ đường Lê Duẩn, thị trấn Khe Sanh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện	Thị trấn Khe Sanh	2022 - 2023	6.000.000		6.000.000		6.000.000	6.000.000	6.000.000			
6	Sửa chữa, nâng cấp đường Lê Lợi, thị trấn Lao Bảo	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện	Thị trấn Lao Bảo	2022 - 2023	1.100.000		1.100.000		1.100.000	1.100.000	1.100.000			
7	Khắc phục, sửa chữa đường giao thông lên thôn A Mây đi thôn A Mờ, xã Lúa	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện	Xã Lúa	2022 - 2023	1.250.000		1.250.000		1.250.000	1.250.000	750.000	500.000		
8	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Đinh Tiên Hoàng, thị trấn Khe Sanh (Đoạn từ điểm giao đường Bùi Đức Tài đến điểm giao đường Phan Cửu Trinh)	UBND thị trấn Khe Sanh	Thị trấn Khe Sanh	2023 - 2024	1.020.000		1.020.000		1.020.000	1.020.000	300.000	660.000		
9	Via hệ đường Lê Duẩn thị trấn Khe Sanh (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện	Thị trấn Khe Sanh	2023 - 2024	7.500.000		7.500.000		7.500.000	7.500.000	5.700.000	1.800.000		
10	Đường giao thông thôn Tân Trung đi Quốc lộ 9	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện	Xã Tân Lập	2023-2024	5.000.000		5.000.000		5.000.000	5.000.000	1.800.000	3.200.000		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Lấy kế vốn bố trí đến ngày 31/12/2020	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Chia theo phân kỳ đầu tư				Ghi chú
					Tổng số	Trong đó chia ra				Tổng số	Trong đó chia ra			
						NS tỉnh, nguồn khác	NS huyện				Vốn đã bố trí từ năm 2021 - 2023	Năm 2024	Năm 2025	
11	Đường vào khu sản xuất tập trung thôn Tả Dò, xã Tân Hợp	UBND xã Tân Hợp	Xã Tân Hợp	2024 - 2025	7.000.000		7.000.000	7.000.000	7.000.000	-	2.500.000	4.500.000		
12	Kè chống sạt lở đất khu tái định cư tại thôn Cha Lý, xã Hương Lập	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Hương Lập	2024	3.000.000		3.000.000	3.000.000	3.000.000	-	3.000.000			
13	Đường lên khóm An Hà - Cao Việt, thị trấn Lao Bảo	UBND thị trấn Lao Bảo	Thị trấn Lao Bảo	2025	1.000.000		1.000.000	1.000.000	1.000.000	-		1.000.000		
14	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Đặng Thai Mai, thị trấn Khe Sanh	UBND thị trấn Khe Sanh	Thị trấn Khe Sanh	2024 - 2025	470.000		470.000	470.000	470.000	-	300.000	170.000		
15	Đường giao thông Kiệt Phan Chu Trình - lộ Ba Vén (Khối 3) - TT Khe Sanh	UBND thị trấn Khe Sanh	Thị trấn Khe Sanh	2024 - 2025	1.100.000		1.100.000	1.100.000	1.100.000	-	700.000	400.000		
16	Đường giao thông nội thôn thôn An Tiến, xã Tân Thành	UBND xã Tân Thành	Xã Tân Thành	2024	550.000		550.000	550.000	550.000	-	550.000			
17	Đường Ngô Gia Tự, thị trấn Lao Bảo	UBND thị trấn Lao Bảo	Thị trấn Lao Bảo	2024	900.000		900.000	900.000	900.000	-	900.000			
18	Đường vào trụ sở UBND xã Hương Phụng	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Hương Phụng	2024 - 2025	600.000		600.000	600.000	600.000	-	300.000	300.000		
19	Đường vào trụ sở UBND xã Ba Tầng	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Ba Tầng	2024 - 2025	2.000.000		2.000.000	2.000.000	2.000.000	-	800.000	1.200.000		
20	Sửa chữa cầu khe Pô Răng tại thôn Thuận 1, xã Thuận	UBND xã Thuận	Xã Thuận	2024 - 2025	1.200.000		1.200.000	1.200.000	1.200.000	-	600.000	600.000		
21	Đường giao thông Kiệt Trần Cao Văn - lộ Ông Sơn (Khối 4) - TT Khe Sanh	UBND thị trấn Khe Sanh	Thị trấn Khe Sanh	2025	1.200.000		1.200.000	1.200.000	1.200.000	-		1.200.000		
22	Đường giao thông Kiệt Đinh Tiên Hoàng - lộ Ba Lai (Khối 3) - TT Khe Sanh	UBND thị trấn Khe Sanh	Thị trấn Khe Sanh	2025	1.000.000		1.000.000	1.000.000	1.000.000	-		1.000.000		
23	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Đinh Tiên Hoàng, thị trấn Khe Sanh (đoạn từ điểm giao với Quốc lộ 9 đến điểm giao với đường Bùi Đức Tài)	UBND thị trấn Khe Sanh	Thị trấn Khe Sanh	2024 - 2025	1.145.000		1.145.000	1.145.000	1.145.000	-	600.000	545.000		
IV	Lịch vực hành chính				40.957.668	-	40.957.668	-	35.989.000	35.989.000	9.760.000	11.142.953	15.086.047	
1	Sửa chữa trụ sở HĐND - UBND huyện	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện	Thị trấn Khe Sanh	2023 - 2024	7.500.000	-	7.500.000	7.500.000	7.500.000	5.630.000	1.870.000			
2	Nâng cấp, cải tạo phòng họp, phòng làm việc nhà B cơ quan Huyện ủy Hương Hòa	Huyện ủy Hương Hòa	Thị trấn Khe Sanh	2023	1.130.000		1.130.000	1.130.000	1.130.000	1.130.000				
3	Sửa chữa nhà A và sân huyện ủy	Huyện ủy Hương Hòa	Thị trấn Khe Sanh	2023	3.000.000		3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000				
4	Hội trường Huyện ủy Hương Hòa	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Thị trấn Khe Sanh	2024 - 2026	14.968.668		14.968.668	13.000.000	13.000.000	-	6.500.000	6.500.000		
5	Sửa chữa trụ sở phòng Tư pháp và phòng Văn hóa và Thông tin huyện	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Thị trấn Khe Sanh	2024	800.000		800.000	800.000	800.000	-	800.000			

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Lấy kế vốn bố trí đến ngày 31/12/2020	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Chiều theo phân kỳ đầu tư			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó chia ra				Tổng số	Trong đó chia ra		
						NS tỉnh, nguồn khác	NS huyện				Vốn đã bố trí từ năm 2021 - 2023	Năm 2024	
6	Ngân hàng nhân dân thị trấn Lao Bảo (giai đoạn 1)	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Thị trấn Lao Bảo	2024 - 2025	5.959.000		5.959.000	5.959.000	-	1.446.000	4.513.000		
7	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư mở rộng thị trấn Khe Sanh (Khối 1)	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Thị trấn Khe Sanh	2025 - 2026	6.500.000		6.500.000	6.500.000			3.500.000		
8	Sửa chữa Trụ sở làm việc xã Hướng Việt	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Hướng Việt	2024 - 2025	1.100.000		1.100.000	1.100.000		526.953	573.047		
V	Lĩnh vực thương mại				17.909.438	2.609.438	15.300.000	-	10.300.000	10.300.000	2.390.000	3.500.000	4.500.000
1	Nâng cấp, mở rộng chợ Tân Long	Ban QLĐA ĐTXD và PTQĐ huyện	Xã Tân Long	2022 - 2023	3.909.438	1.609.438	2.300.000		2.300.000	2.300.000	2.300.000		
2	Cải tạo, sửa chữa hệ thống chứa chất tự động Trung tâm Thương mại Lao Bảo	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Thị trấn Lao Bảo	2024	500.000		500.000	500.000	500.000	-	500.000		
3	Nâng cấp, sửa chữa các đình kinh doanh và hệ thống phòng cháy, chữa cháy tại chợ Khe Sanh	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Thị trấn Khe Sanh	2024 - 2025	2.500.000		2.500.000	2.500.000	2.500.000		1.000.000	1.500.000	
4	Chợ chuỗi xã Tân Long	UBND xã Tân Long	Xã Tân Long	2024 - 2026	11.000.000	1.000.000	10.000.000	5.000.000	5.000.000		2.000.000	3.000.000	
VI	Lĩnh vực văn hóa				7.071.000	985.400	6.085.600	-	6.085.600	6.085.600	2.990.689	2.380.341	714.600
1	Hạ tầng kỹ thuật công viên trung tâm Lao Bảo; Hưng mục: Lan can bảo vệ xung quanh lồng hồ công viên	Ban QLĐA ĐTXD và PTQĐ huyện	Thị trấn Lao Bảo	2023 - 2024	3.000.000		3.000.000	3.000.000	3.000.000	2.080.000	1.000.000		
2	Nhà sinh hoạt công đồng thôn Mệt Cù	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Hướng Linh	2023 - 2024	1.871.000		1.871.000	1.871.000	1.871.000	990.659	880.341		
3	Nhà văn hóa xã Tân Long	UBND xã Tân Long	Xã Tân Long	2024 - 2025	2.200.000	985.400	1.214.600	1.214.600	1.214.600		500.000	714.600	
VII	Điện chiếu sáng				4.000.000	-	4.000.000	-	4.000.000	4.000.000	-	1.000.000	3.000.000
1	Hệ thống điện chiếu sáng đường trung tâm xã Tân Liên	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Tân Liên	2025	1.500.000		1.500.000	1.500.000	1.500.000	-		1.500.000	
2	Hệ thống điện chiếu sáng đường trung tâm xã Tân Lập	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Tân Lập	2025	1.500.000		1.500.000	1.500.000	1.500.000	-		1.500.000	
3	Hệ thống điện chiếu sáng đường Nguyễn Trãi, thị trấn Khe Sanh (Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Lê Lợi)	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Thị trấn Khe Sanh	2024	1.000.000		1.000.000	1.000.000	1.000.000	-	1.000.000		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Lý do kế vốn bố trí đến ngày 31/12/2020	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Chia theo phân kỳ đầu tư			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó chia ra				Tổng số	Trong đó chia ra		
						NS tỉnh, nguồn khác	NS huyện				Vốn đã bố trí từ năm 2021 - 2023	Năm 2024	
VIII	Phát triển quỹ đất và giải phóng mặt bằng tại quỹ đất năm 2024	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Hương Yên, Tân Lập, Khê Sanh	2024 - 2025	4.000.000		4.000.000	4.000.000	4.000.000	-	1.400.000	2.600.000	
C	NGUỒN VỐN ĐÓNG CẤP CÁC CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG NGÂN SÁCH TỈNH, NGUỒN VỐN TỪ CÁC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ VÀ CÁC NGUỒN KHÁC				163.591.610	131.010.312	32.581.298	-	32.581.298	17.121.053	6.294.000	9.166.245	
1	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo				49.325.000	41.127.400	8.197.600	-	8.197.600	3.967.600	3.030.000	1.200.000	
1	Trường PTDT bán trú THPTCS Hương Lập; Hàng mục: Nhà học bộ môn và chức năng	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Hương Lập	2023 - 2024	6.000.000	5.000.000	1.000.000		1.000.000	500.000	500.000		
2	Trường PTDT bán trú THPTCS Ba Tầng; Hàng mục: Nhà học bộ môn và chức năng	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Ba Tầng	2023 - 2024	6.000.000	5.000.000	1.000.000		1.000.000	500.000	500.000		
3	Trường Tiểu học Hương Tân; Hàng mục: Nhà hiệu bộ, cổng, hàng rào	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Hương Tân	2023	4.000.000	3.500.000	500.000		500.000	500.000			
4	Trường Tiểu học và THCS Tân Thành; Hàng mục: Nhà đa năng.	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Tân Thành	2023	1.900.000	1.500.000	400.000		400.000	400.000			
5	Trường Tiểu học và THCS Hương Việt; Hàng mục: Phòng học bộ môn.	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Hương Việt	2023	2.500.000	2.000.000	500.000		500.000	500.000			
6	Trường THCS Lao Bào; Hàng mục: Nhà tập bộ	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Thị trấn Lao Bào	2024	2.500.000	2.000.000	500.000		500.000	500.000	-	500.000	
7	Trường Tiểu học Thanh; Hàng mục: 02 phòng học điểm trường Phông.	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Thanh	2024 - 2025	1.200.000	1.000.000	200.000		200.000	200.000	-	100.000	100.000
8	Trường Tiểu học và THCS Tân Liên; Hàng mục: 02 phòng học điểm trường Chàng	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Tân Liên	2024 - 2025	1.200.000	900.000	300.000		300.000	300.000	-	200.000	100.000

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Lấy kế vốn bố trí đến ngày 31/12/2020	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Chi tiết theo phân kỳ đầu tư				Ghi chú
					Tổng số	Trong đó chia ra				Tổng số	Trong đó chia ra			
						NS tỉnh, ngoài khác	NS huyện				Vốn đã bố trí từ năm 2021 - 2023	Năm 2024	Năm 2025	
9	Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Hương Sơn, Hạng mục: 02 phòng học	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Hương Sơn	2024 - 2025	1.200.000	900.000	300.000		300.000	300.000	-	200.000	100.000	
10	Trường THCS Thuận, Hạng mục: Nhà 2 tầng, 4 phòng học	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Thuận	2025	2.400.000	2.000.000	400.000		400.000	400.000	-		400.000	
11	Trường Mầm non Hương Phông, Hạng mục: Nhà 2 tầng, 4 phòng học	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Hương Phông	2025	3.200.000	2.700.000	500.000		500.000	500.000	-		500.000	
12	Trường Mầm non A Túc	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện	Xã A Túc	2022 - 2023	10.000.000	9.000.000	1.000.000		1.000.000	1.000.000	1.000.000			Đã hoàn thành
13	Xây dựng điểm trường Mẫu giáo thôn Cu Ty (92 phòng học) tại xã Hương Lộc, huyện Hương Hoá, tỉnh Quảng Trị	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện	Xã Hương Lộc	2022	1.250.000	1.000.000	250.000		250.000	250.000	250.000			Đã hoàn thành
14	Xây dựng 02 phòng học điểm lẻ thôn Miệt - Pa Cống Trường Mầm non Hương Linh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện	Xã Hương Linh	2022	1.165.000	960.000	205.000		205.000	205.000	205.000			Đã hoàn thành
15	Xây dựng 01 phòng học điểm lẻ thôn Trùn Trường Mầm non Ba Tầng	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện	Xã Ba Tầng	2022	750.000	637.400	112.600		112.600	112.600	112.600			Đã hoàn thành
16	Xây dựng 02 phòng học trường Mầm non Trung tâm Thanh tại thôn A Hò, xã Thanh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Thanh	2024 - 2025	1.500.000	1.000.000	500.000		500.000	500.000		500.000		
17	Xây dựng 02 phòng học điểm lẻ thôn 7 - Trường Mầm non Thuận	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Thuận	2023 - 2024	1.250.000	1.000.000	250.000		250.000	250.000		250.000		
18	Xây dựng 01 phòng học điểm lẻ thôn Chếch Vành - Trường Mầm non Hương Phông	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Hương Phông	2023 - 2024	760.000	630.000	130.000		130.000	130.000		130.000		
19	Trường đép cho em tại điểm trường bán trú thuộc THPT&THCS Ba Tầng, xã Ba Tầng	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Xã Ba Tầng	2024 - 2025	550.000	400.000	150.000		150.000	150.000		150.000		
II	Giao thông - thủy lợi				99.008.630	76.151.912	22.856.698	-	22.856.698	22.856.698	13.153.453	2.500.000	7.203.245	
1	Đường kết nối các điểm du lịch huyện Hướng Hóa	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện		2022 - 2025	80.000.000	60.000.000	20.000.000		20.000.000	20.000.000	11.296.755	2.000.000	6.703.245	
2	Đường liên thôn kết nối Quốc lộ 9, xã Tân Liên, huyện Hướng Hóa	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện		2024 - 2025	11.000.000	10.000.000	1.000.000		1.000.000	1.000.000	-	500.000	500.000	
3	Sửa chữa hệ thống thủy lợi kết hợp nước sinh hoạt thôn Rượu, xã Hương Tân	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện		2022	5.008.610	4.651.912	356.698		356.698	356.698	356.698			Đã hoàn thành

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Lấy kế vốn bố trí đến ngày 31/12/2020	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Chia theo phân kỳ đầu tư				Ghi chú
					Tổng số	Trong đó chia ra				Tổng số	Trong đó chia ra			
						NS tỉnh, nguồn khác	NS huyện				Vốn đã bố trí từ năm 2021 - 2023	Năm 2024	Năm 2025	
4	Khắc phục, sửa chữa công trình nước sinh hoạt Đền Chanh Vành và Công xã Hương Phùng	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện		2022	3.000.000	1.500.000	1.500.000		1.500.000	1.500.000				Đã hoàn thành
III. Quản lý hành chính					15.298.000	13.731.000	1.527.000	-	1.527.000	1.527.000	-	764.000	763.000	
1	Trụ sở làm việc xã Hương Lành	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện		2024 - 2025	4.936.000	4.442.000	494.000		494.000	494.000	-	247.000	247.000	
2	Trụ sở làm việc xã Xy	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện		2024 - 2025	5.386.000	4.847.000	539.000		539.000	539.000	-	270.000	269.000	
3	Trụ sở làm việc xã Hương Sơn	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện		2024 - 2025	4.936.000	4.442.000	494.000		494.000	494.000	-	247.000	247.000	
D	CÁC CÔNG TRÌNH ĐỀ XUẤT NGẮN SÁCH TÍNH HỖ TRỢ VÀ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC XÃ HỘI HÓA				8.250.000	-	8.250.000	-	8.250.000	8.250.000	-	8.250.000	-	-
1	Đầu nối đường Hùng Vương (mới) với các tuyến đường liên thôn thuộc xã Hương Tân và đường Hồ Chí Minh nhánh Tây	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Thị trấn Khe Sanh, xã Hương Tân	2024 - 2025	750.000		750.000		750.000	750.000		750.000		
2	Đường Nguyễn Khuyến, thị trấn Khe Sanh - giai đoạn 1	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Thị trấn Khe Sanh	2024 - 2025	5.000.000		5.000.000		5.000.000	5.000.000		5.000.000		
3	Đường Phạm Ngũ Lão, thị trấn Khe Sanh	Ban Quản lý dự án, PTQĐ và CCN huyện	Thị trấn Khe Sanh	2024 - 2025	2.500.000		2.500.000		2.500.000	2.500.000		2.500.000		